BẢN
RÚT GỌN

XIN CHỊ EM PHỤ NỮ THA THỨ CHO CHÚNG TÔI!



NAM VÀ NỮ TRONG HÔN
NHÂN VÀ HỘI THÁNH
NGẮN GỌN. SÁNG TỎ. HỮU ÍCH.
HANS-JÖRG RONSDORF

XIN CHỊ EM PHỤ NỮ THA THỨ CHO CHÚNG TÔI!

Bản rút gọn

Nam và nữ trong hôn nhân và Hội Thánh

Ngắn gọn. Sáng tỏ. Hữu ích.

Hans-Jörg Ronsdorf

Ấn bản in (bằng tiếng Đức) có thể đặt mua tại www.hans-joerg-ronsdorf.de
với giá 3,80 €, chưa kể phí gửi bưu điện.
Ấn bản tiếng Đức cũng có dạng sách điện tử Kindle.
Ấn bản thứ 4, tháng 11 năm 2026 (ấn bản tiếng Đức)
Dịch từ tiếng Đức, 2026 – tải miễn phí tại www.hans-joerg-ronsdorf.de
© Hans-Jörg Ronsdorf – giữ toàn quyền.
Albis 6½, 87477 Sulzberg
Dàn trang: Hans-Jörg Ronsdorf
E-mail liên hệ: hj-ronsdorf@t-online.de
ISBN của ấn bản tiếng Đức 978-3-9820715-6-5
Thiết kế bìa: Tobias Stricker
Hiệu đính: Gabriele Singer
In tại: www.wir-machen-druck.de
Bản dịch Kinh Thánh được dùng trong ấn bản tiếng Đức, nếu không ghi chú khác:
Elberfelder Übersetzung, Edition CSV, Hückeswagen www.csv-bibel.de (bản dịch Kinh Thánh tiếng Đức)

Mục lục

1 Lời nói đầu – Tại sao lại thêm một cuốn sách? **6**

2 Nền tảng của chúng ta – chúng ta dựa vào đâu? **9**

3 Trở về lúc khởi đầu – điều Đức Chúa Trời muốn **11**

4 Trật tự sáng tạo – nếu có, thì là trật tự nào? **15**

5 Điều sẽ xảy đến – nhưng Đức Chúa Trời không bao giờ muốn **17**

6 Chúa Giê-xu, Đấng Christ, và phụ nữ **23**

6.1 Người đàn bà Sa-ma-ri bên giếng Gia-cốp **24**

6.2 Dưới chân Chúa Giê-xu – Ma-thê và Ma-ri **25**

6.3 Ma-ri Ma-đơ-len, nữ sứ đồ của các sứ đồ **25**

7 Hội Thánh, cô dâu của Đấng Christ, và sự phục vụ của phụ nữ **27**

7.1 Phao-lô và các nữ cộng sự của ông **27**

7.1.1 Phê-bê – nữ chấp sự, người lãnh đạo và người đưa thư 28

7.1.2 Một cặp vợ chồng gương mẫu: Bê-rít-sin và A-qui-la 29

7.1.3 Giu-ni-a – nữ sứ đồ có danh tiếng 29

8 Có lệnh buộc chị em phải im lặng không? **31**

8.1 Việc thẩm định các lời tiên tri **32**

8.2 Câu 34 và 35 là một lời trích dẫn? **33**

8.3 Câu 34 và 35 là phần được chèn vào về sau? **34**

9 Có lệnh cấm chị em dạy dỗ không? **37**

10 Chức tế lễ của mọi tín hữu **42**

11 Chị em có được làm trưởng lão không? **44**

12 Trùm đầu – ngày nay vẫn còn sao? **48**

13 Người chồng là đầu – sự thuận phục một chiều? **54**

14 Không còn nam hay nữ **58**

15 Lời xưng tội của chúng tôi **61**

16 Lời kết **63**

17 Những sách khác của tác giả **67**

1 LỜI NÓI ĐẦU – TẠI SAO LẠI THÊM MỘT CUỐN SÁCH?

Tháng 11 năm 2020, cuốn sách "*Xin chị em phụ nữ tha thứ cho chúng tôi!*" (*Frauen, vergebt uns!*) của tôi ra đời. Như đã dự đoán, sự khó hiểu, thậm chí sự phẫn nộ, là điều không tránh khỏi, vì những anh em trung thành với Kinh Thánh cảm thấy tựa đề này như bắt họ làm con tin. Tại sao họ phải xin tha thứ, khi quan niệm của họ về phụ nữ vốn phù hợp với Kinh Thánh?

Vấn đề vẫn là *hai lập trường trái ngược nhau – xin xem thêm bảng đối chiếu ở phía dưới.*

> Lập trường thứ nhất chủ trương thẩm quyền của người nam là đầu trên người nữ. Theo họ, trật tự sáng tạo đã như thế ngay từ trước sự sa ngã. Vì vậy người vợ thuận phục chồng mình, im lặng trong buổi thờ phượng, và không dạy dỗ cũng không lãnh đạo người nam, cả trong lẫn ngoài Hội Thánh.
>
> Lập trường đối lập thấy ngay từ lúc khởi đầu sự sáng tạo một mối quan hệ đồng hành trong sự bình đẳng và bổ sung cho nhau – không có sự khác biệt về thứ bậc. Sự thuận phục lẫn nhau định hình đời sống chung. Trong Hội Thánh, các chị em phục vụ trong mọi lĩnh vực cũng như các anh em.

Cả hai lập trường đều được lập luận dựa trên Kinh Thánh. Nhưng hai thế giới quan này không thể dung hòa với nhau – đó là kết luận của tôi sau khi nghiên cứu nhiều sách, nghe nhiều bài thuyết trình và qua nhiều cuộc thảo luận. Thật đáng than thở trước mặt Đức Chúa Trời! Chúng ta đang đứng trước một vấn đề thần học khó khăn gây tranh cãi, mà đáng tiếc là nó chia rẽ các Hội Thánh. Tôi ước gì người ta tranh luận về điều này cởi mở hơn, khách quan hơn và hòa nhã hơn.

Trong cuốn sách nhỏ này, tôi ủng hộ và giải thích lập trường thứ hai. Lập trường thứ nhất tôi đã bênh vực và dạy dỗ cho đến năm 54 tuổi. Qua việc nghiên cứu Kinh Thánh, tôi đã phải chuyển sang lập trường thứ hai. Về điều đó, tôi đã viết một cuốn sách chi tiết. Đối với nhiều chị em, cuốn sách ấy là

một sự giải phóng mà họ đã mong mỏi từ lâu, cách ý thức hay vô thức, một sự nhẹ nhõm về cảm xúc. Có những phản hồi khiến tôi rơi nước mắt vì vui mừng, nhưng cũng vì buồn bã. Trong đề tài này, nhiều điều vẫn còn rất tệ. Chịu trách nhiệm về điều đó là những anh em nghĩ rằng mình hiểu đúng Kinh Thánh. Từ sự hiểu biết của mình, họ cấm phụ nữ phát biểu trong buổi thờ phượng, cấm dạy dỗ và cấm đảm nhận các nhiệm vụ lãnh đạo. Nhiều chị em không thể hiểu, cũng không thể cảm thông điều đó. Nhiều người đau khổ vì điều ấy, nhưng họ im lặng.

Đến nay cuốn sách của tôi đã được phổ biến ở một mức độ nhất định, nhưng có những anh em từ chối đọc nó. Họ nói nó quá phức tạp, quá dài, quá một chiều, quá thiên lệch, quá nữ quyền. Vì vậy mới có thêm cuốn sách ngắn gọn và đơn giản này. Để có thêm nhiều tài liệu phong phú hơn, xin mời bạn vào trang nhà của tôi: **www.hans-joerg-ronsdorf.de**.

Dù trước mặt Đức Chúa Trời tôi tin chắc mình đang làm điều đúng, tôi vẫn có thể sai lầm. Nhưng tôi có bổn phận với Đấng Christ và Lời Ngài. Tôi cũng bị ràng buộc bởi lương tâm mình. Đây không phải là một vấn đề tranh cãi thuần túy thần học hay trừu tượng, *đây là vấn đề của một nửa thân thể Đấng Christ, của con người và cuộc đời họ!*

Hans-Jörg Ronsdorf, Sulzberg, tháng 11 năm 2026

Quan điểm thứ bậc về nam và nữ: thuận phục, thẩm quyền, đầu: định hướng theo thứ bậc	**Bổ sung cho nhau không có thứ bậc: Ga-la-ti 3:28 – tất cả đều làm một trong Đấng Christ! . Dựa trên ân tứ**
Thứ bậc của trật tự sáng tạo, người nam đứng trên người nữ, có giá trị như nhau, nhưng không bình quyền.	Được dựng nên ngang hàng, cả hai đều mang hình ảnh Đức Chúa Trời, họ bổ sung cho nhau, ngang hàng, bình đẳng.
Sáng Thế Ký 3:16 "Chồng sẽ cai trị ngươi" được hiểu là một quy định / mệnh lệnh, chứ không phải là hậu quả tiêu cực của sự sa ngã.	Sáng Thế Ký 3:16 mô tả những hậu quả đáng buồn của sự sa ngã, điều mà Đức Chúa Trời không muốn và đáng tiếc đã xảy ra như thế trong lịch sử.
Ê-va đã bị lừa dối, vì vậy phụ nữ không được dạy dỗ.	A-đam phạm tội cách cố ý, Ê-va bị dỗ dành. Lệnh cấm dạy dỗ không liên quan đến giới tính, mà liên quan đến việc sự dạy dỗ có phù hợp với Tin Lành hay không.
Người nữ im lặng trong Hội Thánh. Ngay trong nhà mình, người nữ cũng giữ im lặng trước chồng khi bàn đến giáo lý.	Người nam và người nữ cùng nhau nói tiên tri, như đã xảy ra vào Lễ Ngũ Tuần. Giô-ên 2:28-29; Công Vụ Các Sứ Đồ 2:17
Vai trò làm đầu có nghĩa là thẩm quyền của người nam.	Đầu và thân nhấn mạnh sự hiệp một và sự phụ thuộc lẫn nhau.
Phụ nữ không được có thẩm quyền trên người nam.	Sự thuận phục, quyền sở hữu và thẩm quyền lẫn nhau, 1 Cô-rinh-tô 7:4
Chỉ người nam mới được lãnh đạo và làm trưởng lão và chấp sự.	Các ân tứ thuộc linh không gắn với giới tính.
Ga-la-ti 3:28 "Không còn nam hay nữ … anh em thảy đều làm một trong Đấng Christ" chỉ có nghĩa là một sự bình đẳng thuộc linh trong sự cứu rỗi, nhưng không bãi bỏ trật tự sáng tạo.	Ga-la-ti 3:28 là sự mô tả cuộc sáng tạo mới trong Đấng Christ, vốn đã hiện diện trong Hội Thánh. Chính tại đó, mọi sự khác biệt về xã hội, địa vị và giới tính hoàn toàn không còn nữa.

2 NỀN TẢNG CỦA CHÚNG TA – CHÚNG TA DỰA VÀO ĐÂU?

Điều có tính quyết định, vâng, chuẩn mực cho mọi hành động của Cơ Đốc nhân, đã và vẫn là chỉ một mình Kinh Thánh. Đúng như Kinh Thánh mà chúng ta có ngày nay. Đó là nguồn duy nhất và đáng tin cậy của chúng ta. Mọi sự phải được thử nghiệm bằng Kinh Thánh. Cả các truyền thống nữa. Dù rất cổ xưa hay mới hơn. Thường thì chân lý Kinh Thánh – hay đúng hơn: cách chúng ta hiểu chân lý ấy – được đặt ngang hàng với truyền thống Cơ Đốc. Truyền thống có thể dựa trên một sự hiểu sai Kinh Thánh. Sự thích nghi với trào lưu thời đại cũng gây lạc hướng không kém. Khi đó, theo thời gian, những niềm tin và cách thực hành đã lỗi thời cứ cộng dồn và được củng cố, vì chúng phản ánh văn hóa của những thế kỷ trước, hay thậm chí chỉ của vài thập niên trước.

Chúng trở thành một chướng ngại cho Tin Lành.

Người ta nói, hơi phóng đại một chút: Với Kinh Thánh, người ta có thể chứng minh mọi điều. Đó thật là một thách thức cho chúng ta, vì câu nói ấy đúng. Có biết bao ý kiến trái ngược nhau của các Cơ Đốc nhân, và tất cả đều được lập luận dựa trên Kinh Thánh, khi thì vững, khi thì kém. Không có đề tài nào trong Kinh Thánh mà không có ít nhất hai hay nhiều cách giải thích.

Có những quy tắc hay nguyên tắc mà chúng ta nên lưu ý khi đọc Kinh Thánh và khi áp dụng Kinh Thánh vào đời sống cá nhân hay đời sống Hội Thánh. Tôi nêu ra một vài nguyên tắc quan trọng cho đề tài của chúng ta cũng như cho mọi đề tài khác.

Bản văn nói với ai? Những chỉ dẫn trong Cựu Ước, chẳng hạn cho các thầy tế lễ, sẽ không còn hiệu lực cho đời sống Hội Thánh ngày nay. Điều này được gọi là "giải nghĩa Kinh Thánh theo lịch sử cứu rỗi". Người ta lưu ý xem các lời ấy có hiệu lực trong thời nào và cho thời nào. Những lời ấy được nói với dân tộc Y-sơ-ra-ên hay với Hội Thánh thời Tân Ước?

Một chỉ dẫn cho đời sống Hội Thánh có rõ ràng, minh bạch và xuất hiện nhiều lần không? Khi đó người ta có thể nói đến một quy định mang tính

chuẩn mực và vượt thời gian. Ngược lại, không nên biến những bản văn khó thành những chuẩn mực ràng buộc chung, nhất là khi ý chính của chúng chỉ xuất hiện một lần trong Tân Ước và nhiều nhà thần học cùng nhà giải kinh trung thành với Kinh Thánh không đồng ý với nhau về chúng.

Ngữ cảnh của bản văn là điều quyết định. Chính những câu bị tách khỏi ngữ cảnh có thể ủng hộ mọi điều và mọi giáo lý. Rốt cuộc, chúng ta cũng theo quy tắc này khi đọc những sách khác. Ở đây không chỉ ngữ cảnh trực tiếp mới đáng kể, mà sau cùng là ngữ cảnh của toàn bộ Kinh Thánh. Câu hỏi là cách giải nghĩa ấy có phù hợp với bức tranh tổng thể của Kinh Thánh không.

Cũng vậy, **bối cảnh lịch sử và những điều nằm phía sau** về thời gian và nơi chốn mà một bản văn được viết ra cũng quan trọng. Người ta cũng có thể đọc Kinh Thánh mà không có những hiểu biết ấy. Kinh Thánh không vì thế mà mất đi chút năng quyền thiên thượng nào. Nhưng biết bối cảnh lịch sử thì luôn hữu ích. Hầu hết các thư tín trong Tân Ước đều được viết cho từng Hội Thánh vì một vấn đề cấp bách. Chúng ta cố gắng tái dựng lại hoàn cảnh ấy.

Đôi khi điều quan trọng là **một từ có nghĩa gì trong nguyên ngữ.** Vì tiếng Hê-bơ-rơ và tiếng Hy Lạp của Kinh Thánh ngày nay không còn được nói nữa, và chúng ta nói một ngôn ngữ hoàn toàn khác. Dịch chính xác là điều quan trọng. Nhưng bản dịch bao giờ cũng là một sự giải thích ở mức độ nào đó. Và tùy theo người dịch nghĩ thế nào về điều này hay điều kia, điều đó sẽ ảnh hưởng đến bản dịch của người ấy. Về điều này có đủ ví dụ.

Sau cùng, ở đây xin lưu ý rằng có điều phải được hiểu **theo nghĩa đen hay từng chữ**, còn có điều phải được hiểu **theo nghĩa hình ảnh hay ẩn dụ**. Điều đó có lẽ cũng đúng với một phần của câu chuyện sáng tạo.

3 Trở về lúc khởi đầu – điều Đức Chúa Trời muốn

Chúng ta bắt đầu từ đâu khi muốn hiểu thế nào là làm người nam, làm người nữ, và mối quan hệ giữa hai bên? Dĩ nhiên: chúng ta đi đến câu chuyện sáng tạo. Câu chuyện ấy cung cấp cho chúng ta tài liệu quan trọng nhất. Trong Tân Ước, chính Phao-lô là người nhiều lần dựa vào sự khởi đầu này khi ông phê bình và sửa chữa những tình trạng sai trái gây rắc rối ở Cô-rinh-tô và Ê-phê-sô. Ông áp dụng bản tường thuật sáng tạo khi thì cách tổng quát, nhưng cũng có khi cách đặc thù. **Chỉ dùng lời của Phao-lô để giải thích bản tường thuật sáng tạo này thì không đủ.** Trước hết, chính chúng ta cũng phải đi vào vườn Ê-đen và xem xét điều gì đã xảy ra ở đó và xảy ra như thế nào. Về sau chúng ta sẽ trở lại với Phao-lô.

Chúng ta hãy đi đến khởi đầu của lịch sử loài người. Tôi trích bản văn theo bản Elberfelder (bản dịch Kinh Thánh tiếng Đức):

> Sáng Thế Ký 1:26-28 *Và Đức Chúa Trời phán: Chúng ta hãy làm nên loài người theo hình ảnh Chúng ta, theo sự giống như Chúng ta; và họ hãy quản trị trên cá biển, trên chim trời, trên gia súc, trên khắp đất và trên mọi loài bò sát chuyển động trên đất! Và Đức Chúa Trời dựng nên con người theo hình ảnh Ngài, theo hình ảnh Đức Chúa Trời Ngài dựng nên người; Ngài dựng nên họ là người nam và người nữ. Và Đức Chúa Trời ban phước cho họ, và Đức Chúa Trời phán với họ: Hãy sinh sản, thêm nhiều, làm cho đầy dẫy đất và hãy làm cho đất phục tùng các ngươi; hãy quản trị trên cá biển, trên chim trời và trên mọi loài vật chuyển động trên đất!*

Vào ngày sáng tạo thứ sáu, sau khi các loài vật được dựng nên trước, con người xuất hiện. Con người là nam và nữ. *Cả hai giới được nhắc đến trong cùng một hơi thở. Cả hai, mỗi người riêng biệt, nhưng cũng cùng nhau, đều mang hình ảnh Đức Chúa Trời. Không có sự khác biệt. Không có thứ hạng. Không có thứ bậc. Cả hai phải cùng nhau quản trị cõi sáng tạo.* Điều đó có nghĩa là quản lý và bảo vệ nó với sự chăm sóc tận tình. Để làm điều ấy, cần đến cả hai giới.

Vào ngày thứ sáu, thế giới vẫn còn tốt đẹp và đúng như nó phải là.

Có một bản tường thuật thứ hai, bây giờ phóng to vào biến cố sáng tạo con người. Những bản văn rất cổ xưa này của Cựu Ước, tức Kinh Thánh Hê-bơ-rơ, quả thật đầy huyền nhiệm, có lẽ không hoàn toàn dễ hiểu đối với chúng ta ngày nay. Ở đây cũng đặt ra câu hỏi: điều gì mang nghĩa đen và điều gì mang nghĩa hình ảnh. Vẫn còn những câu hỏi bỏ ngỏ cho con người ngày nay. Có lẽ chúng ta đã viết bản tường thuật khác đi hoặc chi tiết hơn. Thôi thì chúng ta phải bằng lòng với những gì mình có. Về căn bản, mọi điều đều dễ theo dõi và hợp lý đối với chúng ta, đồng thời cũng rất sâu sắc. Chỉ một mình Đức Chúa Trời mới có thể bày tỏ cho chúng ta những biến cố này. Dù có hai con người đã có mặt ở đó, nhưng không phải họ, mà là Môi-se về sau đã chép lại.

Từ bản tường thuật sau đây có thể thấy rằng A-đam được dựng nên trước:

> Sáng Thế Ký 2:18-20 *Và CHÚA Đức Chúa Trời phán: Con người ở một mình thì không tốt; Ta sẽ làm nên cho nó một người giúp đỡ tương xứng với nó. Và CHÚA Đức Chúa Trời lấy đất nắn nên mọi loài thú đồng và mọi loài chim trời, rồi dẫn chúng đến cùng con người để xem người sẽ gọi chúng là gì; và hễ con người gọi mỗi sinh vật là gì, thì đó sẽ là tên của nó. Và con người đặt tên cho mọi gia súc, cho chim trời và cho mọi loài thú đồng. Nhưng cho A-đam thì không tìm được một người giúp đỡ nào tương xứng với ông.*

A-đam ở một mình. Đấng Tạo Hóa cho thấy rõ rằng không một con vật nào tương xứng với ông. Vào lúc ấy, A-đam không cần một con vật để làm việc, cũng không cần một con chó làm bạn trung thành. Không, ông cần một người tương xứng với mình. Một người bạn tâm giao, hợp ý hợp lòng. Một người đối diện. Vậy Đức Chúa Trời có thể nào dựng nên một A-đam thứ hai để chấm dứt cảnh một mình, nỗi cô đơn chăng? Nhưng điều ông thiếu không phải là một A-đam thứ hai. *Ông thiếu một người giúp đỡ. Một người tương xứng với ông. Tức là một con người. Có sức mạnh ngang bằng.* Điều ông thiếu không phải là một đầy tớ hay một người phụ tá. Người ấy cũng có thể giúp. Nhưng người ấy sẽ không tương xứng với ông. Người ấy sẽ ở dưới quyền ông. Vấn đề là tìm được một người đối diện, một con người như ông. Một nhân cách mạnh mẽ ngang bằng. Người mà ông có thể cùng nên một. Một nửa tương ứng, một sự bổ sung cho mọi phương diện của sự hiện hữu của ông.

A-đam được dựng nên trước không phải vì ông phải là đầu hay là người lãnh đạo. Không, ông được dựng nên trước để trải nghiệm và cảm nhận thế nào là ở một mình. Đó là sự chuẩn bị cho ông để gặp gỡ và chung sống với người giúp đỡ tương xứng với mình.

Bản văn sau đây, mô tả sự dựng nên người nữ, đầy huyền nhiệm nhưng cũng rất nhiều ý nghĩa:

> Sáng Thế Ký 2:21-22 *Và CHÚA Đức Chúa Trời khiến một giấc ngủ say ập xuống trên con người, và người an giấc. Ngài lấy một trong các xương sườn của người, rồi lấy thịt lấp chỗ ấy lại; và CHÚA Đức Chúa Trời dùng xương sườn đã lấy từ con người mà xây nên một người nữ, rồi dẫn người nữ đến cùng con người.*

Từ cạnh sườn của A-đam đang ngủ, Đức Chúa Trời nắn nên người nữ đầu tiên. Một lưu ý về bản dịch: A-đam không "an giấc" (tiếng Đức: entschlief – chữ này cũng có nghĩa là qua đời), vì nếu thế thì ông đã chết. Và điều được nói đến cũng không phải là một cái xương sườn, mà là một bên thân thể của ông.

Chúng ta học được gì từ mấy lời ngắn ngủi này? Người nữ được lấy ra từ người nam, chứ không được nắn từ đất. Để bà có thể tương xứng với ông. Bà được lấy ra từ cạnh sườn ông, để rồi – nói theo hình ảnh – với tư cách người nữ, bà khép lại cạnh sườn ấy. Bà được lấy ra từ bên cạnh ông, để sống bên cạnh ông. Không ở dưới ông, không ở trên ông. Như một sự bổ sung làm cho A-đam trọn vẹn, và chắc chắn – nói theo kinh nghiệm sống – cũng làm cho chính bà trọn vẹn. Một người giúp đỡ ngang hàng đang thành hình. Đó sẽ là chuyện của trái tim, một mối quan hệ yêu thương – bà đã được sinh ra từ cạnh sườn ông.

A-đam và Ê-va không được dựng nên cùng một lúc, vì nếu thế thì sự phụ thuộc lẫn nhau, sự hiệp một và việc trở nên một thịt đã không thể có ý nghĩa và chiều sâu như vậy.

Tôi ước gì mình đã có mặt trong những giây phút ấy, khi Đức Chúa Trời dẫn người nữ đến cùng người nam, như dẫn cô dâu đến cùng chàng rể:

> Sáng Thế Ký 2:23-25 *Và con người nói: Người này bây giờ là xương bởi xương tôi, thịt bởi thịt tôi; người này sẽ được gọi là 'Männin' (người nữ), vì đã được lấy ra từ người nam. Bởi vậy, người nam sẽ lìa cha mẹ mình mà gắn bó với vợ mình, và cả hai sẽ nên một thịt. Và cả hai đều trần truồng, con người và vợ mình, mà chẳng hổ thẹn.*

A-đam choáng ngợp trước con người này. Ông thốt lên: Cuối cùng cũng có một người như tôi! Nàng giống như ông, nhưng là phiên bản nữ của ông, là "Männin". (Trong tiếng Đức, "Männin" là chữ "Mann" – người nam – ở dạng giống cái, giống như trong tiếng Hê-bơ-rơ ischah được tạo ra từ isch.) Ông say mê đến nỗi từ đó về sau, người nam sẽ rời nhà mình để gắn bó với vợ mình. Không phải ngược lại. Ở đây, người nam đến với người nữ. Để trở nên một thịt. Để trở nên một sự hiệp nhất riêng biệt, cả tâm thần, linh hồn và thân thể. Một sự tương giao của trái tim. Một sự chung sống vợ chồng trong giao ước hôn nhân. Như đôi bạn thân thiết nhất. Trong một mối quan hệ đồng hành có giá trị như nhau. Một sự tương giao hiệp một như vậy chỉ có thể hình thành giữa hai con người có giá trị như nhau và ngang hàng với nhau.

A-đam nhận ra điều đó ngay từ cái nhìn đầu tiên. Người đang đứng trước mặt ông gặp ông ngang hàng. Có lẽ không phải về vóc dáng, nhưng chắc chắn là về bản chất của một con người. Họ chỉ thật sự hiểu chính mình khi học biết người kia.

Cả hai gặp nhau trong một tình trạng không tì vết trước sự sa ngã. Sự trần truồng mà không hổ thẹn của họ là điều ngày nay không còn như thế nữa. Thời gian ấy kéo dài bao lâu và họ được tận hưởng bao lâu, chúng ta không biết. Tôi đoán rằng đó hẳn là một thời gian khá dài.

4 TRẬT TỰ SÁNG TẠO – NẾU CÓ, THÌ LÀ TRẬT TỰ NÀO?

Đây là lúc xem xét kỹ hơn khái niệm *trật tự sáng tạo*. Và chính tại chỗ này: trong vườn địa đàng. Nơi tội lỗi chưa xảy ra và người ta còn có thể nhận ra kế hoạch cùng ý định của Đức Chúa Trời dành cho người nam và người nữ.

Nhiều chị em và anh em dùng khái niệm này như thể nó nói điều sau đây: A-đam được dựng nên trước và vì thế giữ vai trò lãnh đạo. Với trách nhiệm lớn hơn. Ê-va được dựng nên làm người giúp đỡ ông, để phục vụ ông. Từ đó người ta suy ra rằng người nữ phải thuận phục người nam. Trong mọi sự – như chính Tân Ước cũng nói đến bảy lần. Theo họ, A-đam là đầu trên Ê-va.

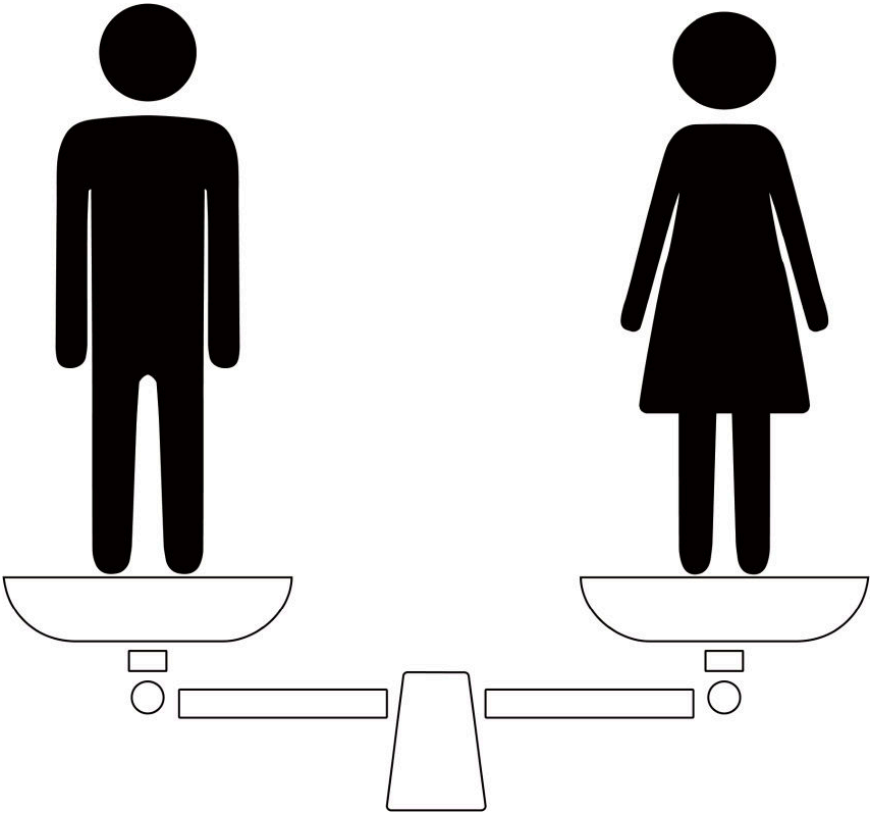
Quan điểm này rất phổ biến. Cách giải thích biến cố sáng tạo như thế được gợi ra từ một vài câu ít ỏi trong Tân Ước mà chúng ta sẽ còn xem xét.

Mỗi độc giả, dù nam hay nữ, nên tự trả lời câu hỏi này: **Nếu bạn chỉ xem xét bản văn Sáng Thế Ký 1 và 2, bạn có tìm thấy ở đó một vai trò lãnh đạo của A-đam do Đức Chúa Trời muốn không? Hay một sự thuận phục của Ê-va?**

Trong các bản văn này không có thứ bậc, không có sự thuận phục hay sự lãnh đạo và thẩm quyền. Mà hoàn toàn ngược lại, như tôi đã mô tả ở trên. Tôi đã phải nhận ra *rằng không hề có sự thuận phục của người nữ như một trật tự sáng tạo. Tức là không có sự phân cấp, địa vị hay vai trò theo thứ bậc nào do Đức Chúa Trời muốn.* **Điều ấy được người ta đọc gán vào bản văn này.**

Chính vì thế tôi bênh vực trật tự sáng tạo. Tức là trật tự trước sự sa ngã. Sau đó thì không thể nói đến **trật tự** sáng tạo nữa. Kể từ ngày sa ngã, đó là một **sự VÔ trật tự của cõi sáng tạo. Sự vô trật tự này** chúng ta không nên noi theo, mà phải chống lại trong ánh sáng và quyền năng của Tin Lành.

Nói chung, khái niệm "trật tự sáng tạo" nên được dùng cách dè dặt, nếu có dùng. Khái niệm này muốn nắm giữ và đóng khung cứng nhắc một điều mà rốt cuộc chỉ là cách giải thích của chúng ta.



5 Điều sẽ xảy đến – nhưng Đức Chúa Trời không bao giờ muốn

Bây giờ chúng ta nhìn vào phần mô tả cái gọi là sự sa ngã. Con rắn dỗ dành Ê-va hái trái cây, rồi bà cũng đưa cho A-đam, và ông cũng ăn. Xin nói trước: từ những hành động bi thảm này, người ta suy ra rằng người nữ dễ bị cám dỗ hơn, rằng ở đây bà đã tự ý chủ động và không đi theo chồng mình. Người Do Thái, các giáo phụ và cho đến ngày nay người ta đã giải thích như thế hoặc tương tự, rồi áp dụng cho người nữ nói chung.

Dù tôi chủ yếu quan tâm đến những hậu quả trực tiếp của sự sa ngã, tôi vẫn trích toàn bộ bản văn tường thuật từng bước một:

> Sáng Thế Ký 3:4-6 *Và con rắn nói với người nữ: Các ngươi chắc chắn sẽ không chết đâu; nhưng Đức Chúa Trời biết rằng ngày nào các ngươi ăn trái ấy, mắt các ngươi sẽ mở ra, và các ngươi sẽ như Đức Chúa Trời, biết điều thiện và điều ác. Và người nữ thấy cây ấy tốt để làm thức ăn, là một niềm vui cho mắt, và cây ấy đáng ao ước để ban cho sự hiểu biết; bà hái trái của nó và ăn, rồi bà cũng đưa cho chồng mình đang ở cùng bà, và ông ăn.*

A-đam đã nhận lệnh cấm ăn trái cây này trực tiếp từ Đức Chúa Trời, trước khi có Ê-va (2:17). Vậy có lẽ Ê-va chỉ có thể nghe điều đó từ ông. Bây giờ con rắn biết nói đã thành công trong việc dỗ dành bà. Rõ ràng là có mặt A-đam, người mà muộn nhất là lúc này lẽ ra phải can thiệp. Ê-va yếu đuối và sa vào sự cám dỗ và dỗ dành thể nào, thì A-đam cũng yếu đuối thể ấy, ông nhận trái cấm từ Ê-va mà không cưỡng lại, không nói một lời. Cả hai đều cư xử sai, cả hai đều phạm một lỗi lầm tai hại và phạm tội. Trong khi Ê-va bị dỗ dành, A-đam phạm tội cách có ý thức, không hề bị dỗ dành hay lừa dối, nghịch lại lệnh cấm của Đức Chúa Trời.

Rồi Đức Chúa Trời gặp đôi vợ chồng và con rắn. Ai cũng biết điều gì đã xảy ra. Đức Chúa Trời hỏi riêng từng người về việc đã xảy ra. Có những câu trả lời rất nhiều ý nghĩa. Bây giờ Đức Chúa Trời nói với những người liên quan theo thứ tự này:

A-đam – Ê-va – con rắn – Ê-va – A-đam.

Sáng Thế Ký 3:13-15 *Và con người nói: Người nữ mà Chúa đã đặt bên tôi, nàng đã đưa cho tôi trái của cây ấy, và tôi đã ăn. Và CHÚA Đức Chúa Trời phán với người nữ: Ngươi đã làm gì vậy! Và người nữ thưa: Con rắn đã lừa dối tôi, và tôi đã ăn. Và CHÚA Đức Chúa Trời phán với con rắn: Vì mày đã làm điều này, mày sẽ bị rủa sả hơn mọi loài súc vật và mọi loài thú đồng! Mày sẽ bò bằng bụng và ăn bụi đất trọn mọi ngày của đời mày. Ta sẽ đặt sự thù nghịch giữa mày và người nữ, giữa dòng dõi mày và dòng dõi người nữ; người sẽ nghiền nát đầu mày, còn mày sẽ nghiền nát gót chân người.*

A-đam ý thức được tội của mình. Có lẽ cũng không hẳn vậy, vì ông lập tức đổ tội cho Ê-va. Thật đáng thương và hèn nhát khi bắt vợ mình chịu trách nhiệm như thế để tự gỡ mình ra khỏi chuyện.[1] Và ngay cả Đức Chúa Trời cũng gián tiếp bị quy lỗi, là Đấng đã ban người nữ cho ông, người mà ông từng vui mừng biết bao. **Chính ông, chứ không phải bà, đã biết điều răn tận tai mình, và lẽ ra ông phải dứt khoát nói "Không!" với Ê-va.**

Ê-va nhận ra lỗi lầm của mình. Bà không đổ lỗi cho A-đam, người đã không ngăn cản bà, cũng không đổ lỗi cho Đức Chúa Trời, mà cho con rắn. Bà tách mình ra khỏi nó. Trong tình cảnh tai hại ấy, đó là điều đúng đắn duy nhất. Giờ đây bà đã bừng tỉnh và đứng về phía chống lại kẻ thù này. Khác với A-đam, người trong cuộc đối chất này không đứng về phía vợ mình.

Con rắn sẽ bị rủa sả đời đời vì sự lừa dối này và bị hạ xuống tận mặt đất. Ê-va gọi đích danh kẻ gây ra điều ác, và có một lời hứa tuyệt vời mà tầm vóc của nó lúc ấy chưa thể nhận ra. Dòng dõi của bà – bạn đọc không nhầm đâu – dòng dõi của người nữ, chứ không phải của một người nam, sẽ nghiền nát đầu con rắn.

Bây giờ những hậu quả cho Ê-va rồi cho A-đam cũng được nêu ra. Tôi trích từ bản Zürcher (bản dịch Kinh Thánh tiếng Đức), ở chỗ này rõ hơn bản Elberfelder:

Sáng Thế Ký 3:16 *Ngài phán với người nữ: Ta sẽ cho ngươi nhiều điều khó nhọc và cho ngươi thai nghén nhiều lần; ngươi sẽ sinh con trong đau đớn.*

1. A-đam dường như không coi Ê-va là người dưới quyền mình, vì có lẽ ông đã không để một người dưới quyền bất ngờ lôi kéo mình như vậy.

Ngươi sẽ khao khát chồng, và chồng sẽ cai trị ngươi.

Trong khi con rắn bị rủa sả, thì **dù có sự vi phạm, người nữ không hề bị rủa sả**. Theo ý nghĩa, những lời phán phạt này có nghĩa như sau:

Ta chắc chắn sẽ làm gia tăng gấp bội (1) công việc nhọc nhằn của ngươi ngoài đồng và (2) sự thụ thai của ngươi.

Ngươi sẽ sinh con trong sự vất vả.

Sự khao khát [đầy yêu thương] của ngươi [sẽ] hướng về chồng ngươi. Nhưng chồng [tự cai trị mình cách phản nghịch và] sẽ muốn cai trị ngươi.

Sự khó nhọc và nhọc nhằn là công việc cày cấy đồng ruộng. Ở đó Ê-va chịu khổ cùng với A-đam vì đất bị rủa sả. Sự rủa sả không giáng trên một trong hai người, cũng không trên cả hai, *mà trên đất*. Cả hai sẽ phải chịu khổ vì điều đó.

Nhưng vẫn có hy vọng. Vì Đức Chúa Trời sẽ làm gia tăng những lần thai nghén của Ê-va. Vì vậy chắc chắn sẽ có dòng dõi giết chết con rắn. Ngay từ khởi đầu, ân điển đã chiếu sáng, và chính người nữ – dù đã bị dỗ dành – lại đứng ở trung tâm và được ban cho niềm hy vọng. Không phải A-đam.

Đức Chúa Trời không thay đổi cơ thể của người nữ để bà phải chịu đau đớn nhiều hơn khi sinh nở như một hình phạt. Cho đến lúc ấy bà chưa hề sinh con. Sự nhọc nhằn không liên quan đến cơn đau khi sinh nở, mà liên quan đến việc cày cấy.

Bây giờ chúng ta đến phần nói về mối quan hệ của bà với chồng. Đây không phải là một lời hứa, mà là một lời bi thảm. Nó mở đầu cho một lịch sử đau khổ và áp bức đối với vô số phụ nữ, điều mà đàn ông phải hổ thẹn. **Việc người nam cai trị người nữ không phải là ý muốn của Đức Chúa Trời, mà là ý muốn tội lỗi và sa ngã của người nam. Đó là ý nghĩa thật của lời này.** *Lời này không mô tả một trật tự sáng tạo phải tuân giữ.* Nó mô tả một sự vô trật tự. Vì trật tự tốt đẹp của Sáng Thế Ký 1 và 2 ở đây đã bị đảo lộn và đổ vỡ.

Ai lấy lời Kinh Thánh này làm lý do cho sự thuận phục của người nữ, người ấy đứng về phía con rắn. Con rắn đã được báo trước rằng sẽ có sự thù nghịch giữa Ê-va và con rắn. Con rắn là kẻ tấn công, đã lợi dụng và vẫn còn lợi dụng

sự cai trị của người nam để phân biệt đối xử với người nữ ở bất cứ nơi đâu và bằng bất cứ cách nào có thể. Vì từ người nữ sẽ ra Đấng chiến thắng con rắn. Vậy nên nó phải tấn công và làm suy yếu người nữ.

Người nam và người nữ được kêu gọi để cùng nhau quản trị. Nhưng người nam sẽ giành lấy quyền cai trị cho riêng mình, bắt người nữ – phái yếu hơn – phải khuất phục và phục dịch mình. Khái niệm *chế độ phụ quyền* nói chung mô tả rõ số phận đáng buồn của người nữ ở phía đông vườn Ê-đen. Trừ một vài ngoại lệ.

Mối quan hệ ban đầu của sự nâng đỡ lẫn nhau và sức mạnh, của sự bình đẳng, của sự tôn trọng giữa những người ngang hàng, và của người đối diện như người bạn đồng hành gần gũi nhất, đã trở thành một mối quan hệ hỗn loạn khủng khiếp, bất bình đẳng về cảm xúc, dựa trên quyền lực, và thường thiếu tình yêu thương. Người nữ sẽ khao khát chồng mình, khao khát tình cảm, sự tin cậy và sự che chở của ông, nhưng ông sẽ áp đảo bà. Đó là một sự đổ vỡ và đảo lộn đáng sợ.

Cuộc chiến giữa hai giới này về sau sẽ lộ ra trên mọi tầng lớp trong văn hóa của mọi dân tộc. Nó chỉ có thể được chữa lành khi điều ác gây ra nó bị xử lý tận gốc.

Sau cùng, xin nhìn qua những lời phán phạt dành cho A-đam, thật sự u ám, và rốt cuộc cũng áp dụng cho người nữ, là người chia sẻ cuộc đời và cuộc vật lộn mưu sinh với ông:

> Sáng Thế Ký 3:17-19 *Và Ngài phán với A-đam: Vì ngươi đã nghe theo tiếng vợ mình và đã ăn trái của cây mà Ta đã truyền và phán với ngươi: Ngươi chớ ăn trái ấy! – vậy đất sẽ bị rủa sả vì ngươi: Ngươi sẽ phải nhọc nhằn mới có mà ăn từ đất trọn mọi ngày của đời ngươi; đất sẽ sinh chông gai và cây tật lê cho ngươi, và ngươi sẽ ăn rau cỏ ngoài đồng.*
>
> *Ngươi sẽ đổ mồ hôi trán mới có bánh mà ăn, cho đến ngày ngươi trở về đất, vì từ đất ngươi đã được lấy ra. Vì ngươi là bụi đất, và ngươi sẽ trở về bụi đất!*

Đất bị rủa sả không phải vì Ê-va, mà vì A-đam. Tội của ông dường như lớn hơn. Ê-va đúng hơn là một nạn nhân, còn ông là kẻ gây ra. Dòng dõi của người nữ, tức là một hậu tự của người nữ – người đã được ban cho ông làm người giúp đỡ –, cũng sẽ là sự giúp đỡ cho ông trong tương lai xa hơn: dòng

dõi của bà (Chúa Giê-xu Christ) sẽ kéo ông ra khỏi bụi đất mà vào sự sống trong sự sống lại. Một ngày kia chúng ta cũng sẽ có thể trò chuyện với A-đam, nếu khi ấy ông còn muốn nói về chuyện này.

Chính trong *câu chuyện sa ngã*, chứ không phải trong *các câu chuyện sáng tạo*, sự trổi hơn của giới này trên giới kia được nhắc đến lần đầu tiên. *Và ở đây không phải là một sự trổi hơn vốn có, mà là một sự trổi hơn được thực thi cách bất chính bằng quyền lực, sức mạnh và bạo lực, nghịch lại trật tự sáng tạo của Đức Chúa Trời.* Lời của Đấng Tạo Hóa phán với Ê-va: "Ngươi sẽ khao khát chồng, và chồng sẽ cai trị ngươi" (Sáng Thế Ký 3:16), có nghĩa là trong tình trạng tội lỗi của loài người, người nam lợi dụng sự khao khát tự nhiên của người nữ đối với mình để cai trị và bắt bà khuất phục. Sự khuất phục của người nữ quả thật là một triệu chứng của bản chất sa ngã nơi người nam. Nếu cuộc đời và công việc của Đấng Christ có nghĩa là chiến thắng những hậu quả của sự sa ngã, thì tác động của nó trên mối quan hệ đổ vỡ này, trên sự khuất phục và sự bóc lột người nữ, là điều hiển nhiên: Ngài sẽ giải phóng và dẫn đưa họ ra. Và điều đó đã xảy ra như vậy.



Bild

6 Chúa Giê-xu, Đấng Christ, và phụ nữ

Không phải đợi đến công cuộc cứu chuộc của Chúa Giê-xu Christ thì những hậu quả của sự sa ngã mới được chiến thắng. Cách Ngài đối xử và gặp gỡ phụ nữ trong một môi trường Do Thái cũng như Hy Lạp – La Mã cách đây 2.000 năm quả thật là khởi đầu của một kỷ nguyên mới cho phụ nữ. Chưa từng có một người nam như thế. Người ta có thể có cảm tưởng rằng Đức Chúa Trời đã đến trong xác thịt như một người nam để chỉ cho nam giới biết phải cư xử thế nào với phụ nữ.

Ngài là vị tiên tri quở trách mà không cằn nhằn, khen ngợi mà không kẻ cả. Ngài xem trọng những câu hỏi, những nỗi khó khăn và những lập luận của họ. Ngài đối xử với họ hoàn toàn tự nhiên, không chút e ngại, và không bao giờ chế giễu nữ tính của họ. Hoàn toàn khác với văn hóa thời ấy, khi người ta cảm tạ Đức Chúa Trời vì mình không sinh ra làm đàn bà. Khi người phụ nữ là một món tài sản mà người ta có thể tống khứ vì những chuyện nhỏ nhặt bằng một tờ giấy ly dị. Phụ nữ cũng như trẻ em có một số phận nặng nề mà chúng ta, trong thời đại giải phóng phụ nữ và quyền bình đẳng ở thế giới phương Tây, không thể hình dung nổi. Đấng Mê-si-a đã đón nhận và chăm lo cho các con gái của Ê-va. **Nơi Ngài hoàn toàn không có một dấu hiệu nào về sự thuận phục theo thứ bậc của người nữ, cũng như không có lệnh cấm phát biểu, lãnh đạo hay dạy dỗ nào trong Hội Thánh, trong hôn nhân hay ngoài xã hội.**

Một người nữ đã sinh ra Lời sự sống cho thế gian. Nhiều người nữ đã theo Ngài như mười hai sứ đồ và phục vụ Ngài. Họ theo Ngài trên con đường khó khăn nhất đến thập tự giá. Họ ở bên thập tự giá khi các môn đồ đã bỏ chạy từ lâu. Đấng sống lại hiện ra trước tiên với một người nữ. Những người nữ bên ngôi mộ trống trở thành những nhân chứng của sự sống lại. Trong các nền văn hóa ấy, phụ nữ không được xem là xứng đáng làm nhân chứng theo nghĩa pháp lý. Chúa Giê-xu đơn giản xóa bỏ sự phân biệt đối xử ấy.

Vì khuôn khổ có hạn, trong số rất nhiều người nữ mà Chúa Giê-xu đã gặp, chúng ta chỉ xem xét ba người, để tìm thấy lại trong cuộc đời Chúa Giê-xu

những điều đã nói ở trên.

6.1 Người đàn bà Sa-ma-ri bên giếng Gia-cốp

Bạn hãy đọc Giăng 4 và đắm mình vào câu chuyện này. Chỉ giữa cái nóng ban trưa, khi không ai đến múc nước, bà mới dám ra giếng. Và tại đó Chúa Giê-xu đang chờ người đàn bà này. Để gặp bà, Ngài đã đi một quãng đường vòng xa. Bà đã bị năm người đàn ông bỏ rơi, bị chuyền tay nhau và bị vắt kiệt. Để sống còn, bà phải nương tựa vào người thứ sáu và sống với danh tiếng đã bị hủy hoại. Thời ấy một người đàn ông không nói chuyện công khai với một người đàn bà, càng không có chuyện một người Do Thái nói chuyện với một người đàn bà Sa-ma-ri. Nhưng Chúa Giê-xu đã làm điều đó! Ngài bày tỏ chính mình cho người đàn bà này là Đấng Mê-si-a. Trước đó Ngài chưa hề làm như vậy. Ngài nói chuyện với bà về nước sự sống và về sự thờ phượng lâu đến thế, lâu hơn với bất cứ ai khác về một đề tài thần học. Ngài dành thời gian. Ngài chinh phục trái tim bà. Bà thật đáng giá đối với Ngài, người đàn ông đến từ Na-xa-rét, *người đàn ông của Si-kha*.

Sau cuộc gặp gỡ Đức Chúa Trời này, bà được giải thoát khỏi mọi nỗi sợ hãi và xấu hổ, và bà đem Tin Lành đến cho cả làng mình. Nhiều người tin. Chúa Giê-xu và các môn đồ ở lại thêm hai ngày.

Về sau, những tín hữu này ở Sa-ma-ri sẽ nhóm lại trong các Hội Thánh tại gia. Và chắc chắn bà, người đàn bà ấy, sẽ kể trong những buổi nhóm này về Ngài, người đàn ông của Si-kha, về Đấng Mê-si-a của bà và về cuộc gặp gỡ có một không hai của bà với Ngài. Bà sẽ truyền lại những gì Ngài đã nói với bà về sự thờ phượng. Vì Hội Thánh nhóm lại chính là nơi Đức Chúa Cha được thờ phượng. Người đàn bà này chắc chắn cũng sẽ cất tiếng trong Hội Thánh để thờ phượng. Vì nếu không thì tại sao Ngài lại giải thích về sự thờ phượng cho chính bà, một người đàn bà?

Chỉ riêng câu chuyện này cũng đủ cho thấy một lệnh buộc im lặng là vô lý.

6.2 Dưới chân Chúa Giê-xu – Ma-thê và Ma-ri

Câu chuyện (Lu-ca 10:38-42) khá quen thuộc: Ma-thê phàn nàn với Chúa Giê-xu rằng em gái mình là Ma-ri không giúp mình khi cô đang dọn bữa ăn cho Chúa Giê-xu và các môn đồ Ngài. Ma-ri thích ngồi dưới chân Chúa Giê-xu cùng với các môn đồ để học hỏi nơi Ngài hơn. Chúa Giê-xu bênh vực Ma-ri và nói rằng điều đó thậm chí là cần thiết, và cô đã chọn phần tốt, là phần sẽ không bị cất khỏi cô. Điều đó có nghĩa gì? Phụ nữ trong Nước Đức Chúa Trời cũng phải được học như người nam. Hầu như không có người nữ nào trong các trường của các ra-bi. Chúa Giê-xu làm khác. Người nam và người nữ có khả năng học như nhau và có khả năng dạy như nhau. Ở đây Chúa Giê-xu cũng phá bỏ một quy ước của thời Ngài, quy ước mà nơi chúng ta từ lâu đã không còn nữa. Về sau Phao-lô viết cho Ti-mô-thê (2 Ti-mô-thê 2:2) rằng những gì ông đã nghe trước mặt nhiều nhân chứng, ông phải giao phó cho *những người – nữ và nam* – có khả năng dạy dỗ người khác. Điều đó phản ánh rất đúng tình huống này: Chúa Giê-xu giao phó sự dạy dỗ cho những người như thế, các nữ môn đồ và các môn đồ, để nhờ đó về sau họ có khả năng dạy dỗ người khác. **Điều này rõ ràng mâu thuẫn với một lệnh cấm dạy dỗ chung cho phụ nữ.**

Trong mối quan hệ với Chúa Giê-xu, giới tính không còn đóng vai trò gì nữa. Ngài không xem bề ngoài con người (Ma-thi-ơ 22:16). Điều đó không có nghĩa là các giới tính bị trung hòa, mà là cả hai đều được Chúa Giê-xu tôn trọng như nhau, không phân biệt: **Hễ ai làm theo ý muốn Đức Chúa Trời, nấy là anh em và chị em Ta!** (Mác 3:33-35)

6.3 Ma-ri Ma-đơ-len, nữ sứ đồ của các sứ đồ

Giáo phụ Hippolytus thành Rô-ma vào thế kỷ 3 đã gọi Ma-ri Ma-đơ-len như vậy. Tại sao? Bà là người đầu tiên mà Chúa Giê-xu gặp sau khi Ngài sống lại. Có lẽ bà yêu Ngài hơn tất cả những người khác. Chúa Giê-xu đã giải thoát bà khỏi ách nô lệ và sự khốn khổ của tình trạng bị quỷ ám. Từ đó bà đã theo

Ngài, cùng với những người nữ khác đã được Ngài chữa lành (Lu-ca 8:2-3). Ngài biết lòng bà. Và chỉ bà, một người nữ, được trải nghiệm giây phút có một không hai ấy trong khu vườn. Và rõ ràng chỉ bà được đặc ân nghe từ Chúa Giê-xu những lời vượt trên mọi điều loài người từng nghe:

> *Nhưng hãy đi đến cùng anh em Ta, nói với họ rằng Ta lên cùng Cha Ta và Cha các ngươi, cùng Đức Chúa Trời Ta và Đức Chúa Trời các ngươi* (Giăng 20:17).

Như vậy bà trở thành người được sai phái, nữ sứ đồ cho các môn đồ. Một danh hiệu tôn vinh hợp với bà, dù đó không phải là danh hiệu chính thức. Sứ điệp này không được giao phó cho một người nam, cho một người trong nhóm Mười Hai. Nó được giao phó cho một người nữ, như cho một nhân chứng trung tín. **Lẽ nào bà đã không kể đi kể lại cuộc gặp gỡ ấy trong các buổi nhóm sao?**

7 HỘI THÁNH, CÔ DÂU CỦA ĐẤNG CHRIST, VÀ SỰ PHỤC VỤ CỦA PHỤ NỮ

Mọi tín hữu, mọi người xưng nhận Chúa Giê-xu, nam cũng như nữ, cùng nhau là cô dâu của Chiên Con.

Trong bản tường thuật sáng tạo, có thể thấy rõ rằng theo ý muốn của Đức Chúa Trời, A-đam và Ê-va không cai trị nhau, mà cùng nhau và bên cạnh nhau thực hiện sứ mạng sáng tạo của Đức Chúa Trời. Không có bất cứ đặc quyền nào của người này hơn người kia, cũng không có sự hạn chế nào cho một giới. Đó là hình ảnh của một cuộc hôn nhân theo kế hoạch của Đức Chúa Trời, và về căn bản, đó là cách hai giới đối xử với nhau trong mọi lĩnh vực của cuộc sống.

Sự sa ngã đã làm đổ vỡ hình ảnh này cách lâu dài: sự cân bằng bị phá hủy, giờ đây người nam – dĩ nhiên trừ những ngoại lệ – muốn cai trị người nữ. Chỉ vì tội lỗi mà người nữ mới bị đặt xuống dưới quyền người nam. Vâng, bị bắt khuất phục và bị đẩy vào hậu trường. Đời sống công cộng dành riêng cho người nam. Còn người nữ thì sẽ phát triển những chiến lược của mình để xoay xở tốt nhất trong hoàn cảnh ấy.

Nhưng trong Hội Thánh, trong Nước Đức Chúa Trời thì sao? Lẽ nào khuôn mẫu tội lỗi của sự bất bình đẳng, căng thẳng và thuận phục một chiều lại phải được tiếp tục ở đó? Trong các thư của Phao-lô và Phi-e-rơ có những lời có thể hiểu như vậy, nếu người ta muốn hiểu như vậy. Nhưng trước hết chúng ta hãy nhìn vào Phao-lô.

7.1 PHAO-LÔ VÀ CÁC NỮ CỘNG SỰ CỦA ÔNG

Hai, có lẽ ba bản văn Kinh Thánh, nếu được hiểu cách hời hợt, khiến Phao-lô trông như một **kẻ ghét phụ nữ**. Nhưng nếu nhìn kỹ, thì đúng hơn là điều ngược lại. Như Chúa Giê-xu, gương mẫu tuyệt đối của ông, ông đối xử với phụ nữ cách cách mạng, nghĩa là bình quyền như với người nam. Ông là một

người bạn của phụ nữ. Quả thật ông không phân biệt. Sự tự nhiên khi ông viết về các chị em trong Chúa thật đáng chú ý. Công việc của sứ đồ và nhà truyền giáo không biết mệt mỏi Phao-lô được bao quanh và đan kết với nhiều phụ nữ. Họ được gắn liền vào sứ mạng của ông và, như những mắt xích trong một sợi xích, là những cộng sự không thể thiếu. Phụ nữ không phải là những người phụ việc ở hàng thứ hai; họ nổi bật nhờ lòng trung tín và phục vụ Lời Chúa như Phao-lô. Chúng ta có thể kể ra rất nhiều phụ nữ như thế, tôi chỉ giới hạn ở ba người. Trong Rô-ma 16 có 29 người được nêu tên, ít nhất 10 người trong số đó là phụ nữ, mà Phao-lô ghi nhận sự phục vụ và sự dấn thân của họ, nhiều hơn của những người nam. Chúng ta bắt đầu ở đó.

7.1.1 Phê-bê – nữ chấp sự, người lãnh đạo và người đưa thư

Lời chào trong Rô-ma 16 bắt đầu với Phê-bê. Không phải không có lý do. Chính bà là người có được sự tin cậy và phương tiện để mang lá thư có lẽ quan trọng nhất của Phao-lô đến Rô-ma. Theo thông lệ, người đưa thư không chỉ đọc thư mà còn trả lời những câu hỏi về thư ấy. Được chính Phao-lô dạy dỗ và hướng dẫn vào lá thư mà ông viết tại Cô-rinh-tô, Phê-bê có khả năng hoàn thành nhiệm vụ này. Bà đến thăm các Hội Thánh tại gia khác nhau ở Rô-ma để đọc thư và giải thích ở những chỗ có người hỏi lại.

Chính bà là một người phục vụ, một *nữ chấp sự* của Hội Thánh tại gia ở Xen-co-rê, hải cảng phía đông của Cô-rinh-tô. Hơn thế nữa, có lẽ bà là người lãnh đạo Hội Thánh ấy. Theo các bản dịch tiếng Đức, Phao-lô gọi bà là *người trợ giúp, người giúp đỡ hay chỗ dựa*. Thật ra chữ ấy có nghĩa là *người đứng đầu* (tiếng Hy Lạp: *prostatis*) và chỉ về *một địa vị lãnh đạo, chẳng hạn trong Hội Thánh tại gia này*. Thật khó hình dung rằng Phao-lô giao nhiệm vụ này cho Phê-bê, người giữ một địa vị có trách nhiệm trong Hội Thánh tại gia ở Xen-co-rê, nhưng lại cấm phụ nữ nói chung phát biểu, dạy dỗ và lãnh đạo trong Hội Thánh.

Mặt khác, chúng ta cũng không muốn đọc gán quá nhiều vào những câu này, nhưng cũng không nên giải thích chúng như thể bà chỉ làm một công việc đưa thư đơn giản.

7.1.2 Một cặp vợ chồng gương mẫu: Bê-rít-sin và A-qui-la

Cặp vợ chồng Bê-rít-sin và A-qui-la, được nhắc đến nhiều nhất, có lẽ là những cộng sự lâu năm nhất và thân tín nhất của Phao-lô trong công việc truyền giáo của ông. Dù đối với các cặp vợ chồng, người chồng luôn được nêu tên trước, Tân Ước lại nêu tên Bê-rít-sin, người vợ, trước bốn lần (trong sáu lần được nhắc đến). Tại sao? Vì bà đi trước và dẫn dắt trong sự phục vụ. Có lẽ vì bà có ân tứ hơn chồng. Và dù vậy, hai người cùng làm việc với nhau như những người đồng đội, có giá trị như nhau và ngang hàng, trong sự hiệp một. Mỗi người đều biết điểm mạnh và điểm yếu của người kia. Là phụ nữ, Bê-rít-sin cũng có vai trò chiến lược quan trọng, vì phụ nữ thường được phụ nữ truyền giáo, chứ không phải người nam. Cả hai, Bê-rít-sin đi trước, đã dạy dỗ A-bô-lô (Công Vụ Các Sứ Đồ 18:26). Được chính Phao-lô chỉ dạy, được đào tạo qua những câu hỏi và câu trả lời trong nhiều giờ cùng nhau may lều, cả hai đã được trang bị để chỉ dạy người khác.

Ở đây phải đặc biệt nhắc đến Bê-rít-sin, một người nữ. Chồng bà đứng phía sau hỗ trợ bà, ở hàng thứ hai, nhưng không vì thế mà có thể hình thành một thứ bậc. Không thể hình dung rằng Phao-lô lại ban hành một lệnh cấm dạy dỗ chung cho phụ nữ, trong khi chính bà đã dạy dỗ A-bô-lô và chắc chắn cả nhiều người khác nữa. Cặp vợ chồng này là gương mẫu cho mọi cặp vợ chồng.

7.1.3 Giu-ni-a – nữ sứ đồ có danh tiếng

Phao-lô còn tôn vinh một cặp vợ chồng truyền giáo khác: An-trô-ni-cơ và Giu-ni-a. Cả hai được gọi là sứ đồ (Rô-ma 16:7). Những người giải nghĩa Tân Ước sớm nhất, các giáo phụ, nói về bà Giu-ni-a với sự kính trọng sâu xa. John Chrysostom (344-407 SCN) viết về bà Giu-ni-a: "Làm một sứ đồ là điều lớn lao. Nhưng nổi danh trong vòng các sứ đồ – hãy nghĩ xem đó là một lời khen lớn biết bao. Sự khôn ngoan của người phụ nữ này hẳn lớn lao biết bao, đến nỗi bà được xem là xứng đáng với danh hiệu sứ đồ."

Thế giới giáo hội và Hội Thánh do nam giới thống trị khó chấp nhận việc một người nữ được sứ đồ Phao-lô gọi là nữ sứ đồ. Vì thế có những bản dịch biến Giu-ni-a thành Junias, tức là một tên đàn ông. Điều không được phép có thì cũng không thể có. Nhưng giờ đây giới nghiên cứu đã nhiều lần xác nhận rằng đây là tên của một người nữ.

Hai người là sứ đồ theo nghĩa nào thì vẫn còn bỏ ngỏ. Có lẽ họ đã được một Hội Thánh sai phái. Có lẽ họ thi hành một chức vụ sứ đồ là thành lập Hội Thánh. Hoặc họ là sứ đồ theo nghĩa thuộc về những người đã thấy Đấng sống lại và giờ đây làm việc cho Nước Đức Chúa Trời bên ngoài xứ Pa-lét-tin.

Ở đây tôi cũng xin nhắc lại: **Một lệnh cấm phụ nữ phát biểu, dạy dỗ và lãnh đạo thì khó lòng được tuân giữ đối với một nữ sứ đồ.** Việc cả hai có thời gian ở tù cùng với Phao-lô cho phép kết luận rằng cả hai đã rao giảng Tin Lành, có lẽ cũng cách công khai.

8 Có lệnh buộc chị em phải im lặng không?

Khi nhìn ba người nữ này cùng những người nữ khác chung quanh Phao-lô, người ta sẽ không nảy ra ý nghĩ rằng phụ nữ phải im lặng trong Hội Thánh tại gia khi nhóm lại, tức là điều mà ngày nay chúng ta gọi là buổi thờ phượng. Ở những chỗ khác trong Tân Ước cũng không có dấu hiệu nào cho thấy điều đó phải như vậy hay đã được thực hành như vậy. **Chúng ta thậm chí sẽ không bao giờ nghĩ rằng có thể có một điều như thế.**

Ngoại trừ một đoạn văn ngắn mà người ta buộc phải hiểu như vậy. Đó là đoạn văn này trong 1 Cô-rinh-tô 14:34-35:

> *Đàn bà phải nín lặng trong các buổi nhóm Hội Thánh, vì họ không được phép nói, nhưng phải thuận phục, như luật pháp cũng dạy.*
>
> *Nếu họ muốn học điều gì, thì hãy hỏi chồng mình ở nhà; vì đàn bà nói trong buổi nhóm Hội Thánh là điều hổ thẹn.*

Điều này có thể được hiểu như một mệnh lệnh trực tiếp và rõ ràng của Chúa. Nhưng có những lý do vững chắc để nghi ngờ điều đó. Không phải vì một thái độ giải phóng phụ nữ hay nữ quyền, mà là dựa trên chính Kinh Thánh.

Trong chương 11:5, Phao-lô nói về những người nữ cầu nguyện và nói tiên tri (phù hợp với *Giô-ên 2:28 + Công Vụ Các Sứ Đồ 2:17*). Họ làm điều đó ở đâu? Có người nói: trong buổi nhóm; người khác nói: chỉ bên ngoài buổi nhóm, như các câu 34-35 trong chương 14 dường như xác nhận. Nhưng nơi Phao-lô, việc cầu nguyện và nói tiên tri diễn ra **trước hết** khi Hội Thánh nhóm lại. *Ông mô tả điều đó như vậy trong chương 14. Ở đó, đối với Phao-lô, việc phụ nữ tham gia là điều đương nhiên.* Ông diễn đạt như thế nhiều lần.

- Câu 5: Tôi muốn *hết thảy* anh em nói tiếng lạ, nhưng hơn nữa là anh em nói tiên tri!
- Câu 12: hãy tìm cách để *anh em (hết thảy)* được dư dật, hầu gây dựng Hội Thánh.

- Câu 23: Vậy, nếu *cả Hội Thánh* nhóm lại một nơi và *mọi người* đều nói tiếng lạ …

- Câu 26: Vậy thì thế nào, thưa anh em? Khi *anh em* nhóm lại, thì *mỗi người trong anh em* có một bài thi ca, có một *sự dạy dỗ*, có một sự mặc khải, có một tiếng lạ, có một sự thông giải; mọi điều hãy làm để gây dựng.

Chữ "anh em" (tiếng Hy Lạp: *adelphoi*) ở đây chỉ về anh chị em, tức là anh em **và** chị em, như trong nhiều câu khác mà chúng ta không thể giới hạn cho riêng người nam (chữ này xuất hiện 27 lần trong thư 1 Cô-rinh-tô và hầu như lúc nào cũng chỉ anh em **và** chị em).

- Câu 31: Vì anh em có thể *lần lượt từng người một, hết thảy* đều nói tiên tri, để mọi người đều học hỏi và mọi người đều được khích lệ.

Đối với mỗi Cơ Đốc nhân xem Kinh Thánh là Lời Đức Chúa Trời, những mâu thuẫn trong bản văn Kinh Thánh là điều không thể có. Nhưng đối với phần đông người đọc, các câu 34-35 trông như một vật lạ trong bản văn. Trước hết, điều đó không liên quan gì đến sự phê bình Kinh Thánh hay một tâm thế sai trái, mà liên quan đến lẽ thường, vốn ở đây nhận thấy một sự mâu thuẫn cách chính đáng.

Chúng ta có thể giải quyết sự mâu thuẫn này thế nào? *Trước những câu Kinh Thánh nói về phụ nữ cầu nguyện và nói tiên tri, và cả việc mọi người đều được khích lệ làm điều đó, cũng như qua sự mô tả các chức vụ của phụ nữ nơi Phao-lô, không thể nào ở đây lại có ý nói đến một lệnh buộc im lặng phổ quát và vượt thời gian.* Nói cách khác: cần có một cách giải thích khác cho bản văn này, đem lại một ý nghĩa hợp lý và không mâu thuẫn. Có rất nhiều cách giải nghĩa, hay đúng hơn là những nỗ lực giải thích, vì phần đông các nhà giải kinh đã nhận ra sự mâu thuẫn. Tôi nêu ra đây một vài cách, để rồi đề nghị một giải pháp khác.

8.1 Việc thẩm định các lời tiên tri

Nếu phụ nữ ở Cô-rinh-tô phải hỏi chồng mình ở nhà, thì điều đó có nghĩa là họ có những thắc mắc và có lẽ không được dạy dỗ đầy đủ. Họ thiếu hiểu

biết. Như vậy, hoặc họ chen ngang hỏi quá thường xuyên trong các buổi nhóm Hội Thánh, hoặc họ đóng góp những ý kiến chẳng khôn ngoan, lại theo một cách trái ngược với điều mà Phao-lô ở đây gọi là *thuận phục*. Như thế họ gây rối, và sinh ra sự lộn xộn, không phù hợp với Đức Chúa Trời của sự bình an. *Vậy vấn đề không phải là họ có nói hay không, mà là họ nói thế nào và nói gì.*

Điều đó cũng có thể có nghĩa là phụ nữ bị loại ra khỏi việc thẩm định những lời tiên tri (câu 29) của chồng mình hay của mọi người nam, vì trong văn hóa thời ấy, việc người vợ làm bẽ mặt chồng bằng sự phê bình công khai là một điều xấu hổ.

8.2 Câu 34 và 35 là một lời trích dẫn?

Có thể ở đây Phao-lô trích dẫn lời một số người Cô-rinh-tô để bác bỏ họ. Khi đó, đây sẽ không phải là lời của Phao-lô. Người ta thường công nhận rằng trong thư 1 Cô-rinh-tô, Phao-lô nhiều lần trích dẫn, hoặc cách tự do hoặc nguyên văn, từ một lá thư, ở những chỗ sau: 6:12-13; 7:1; 8:1, 4; 10:23; 15:12. Không phải lời trích dẫn nào cũng luôn được gọi là trích dẫn; người ta suy ra từ ngữ cảnh xem đó có phải là lời trích dẫn hay không. Ông đã được báo cho biết, bằng miệng hoặc qua một lá thư, rằng có những người nam ở Cô-rinh-tô đòi áp đặt một lệnh buộc phụ nữ im lặng như thế. *Những đòi hỏi bắt phụ nữ im lặng như vậy đã có trong văn hóa Hy Lạp và La Mã thời ấy.*

Việc viện dẫn luật pháp thật lạ lùng, vì trong luật pháp Môi-se không hề có một lệnh buộc im lặng, cũng như không có một mệnh lệnh về sự thuận phục. *Về sự thuận phục và im lặng của phụ nữ, chúng ta không tìm thấy gì trong Cựu Ước, kể cả trong câu chuyện sáng tạo.* Chính Phao-lô đã làm nổi bật rõ ràng rằng luật pháp Môi-se không còn là quy tắc sống cho Cơ Đốc nhân, càng không phải là chuẩn mực cho việc tổ chức buổi thờ phượng. Vì vậy ở đây có thể là một cách giải thích hay một quy tắc của người Do Thái, người Hy Lạp hoặc người La Mã mà những người ấy đã viện dẫn, chứ không phải luật pháp của Đức Chúa Trời, cũng không phải luật pháp của Đấng Christ. Điều này ủng hộ quan điểm cho rằng ở đây là một lời trích dẫn.

Nếu đó là một lời trích dẫn, thì trong câu 36, Phao-lô phản ứng rõ ràng, thậm chí phẫn nộ, trước đòi hỏi không thể chấp nhận này. Trong tiếng Đức và trong các bản dịch Kinh Thánh, điều đó không hiện ra rõ như vậy. Có thể diễn tả phản ứng của ông như sau: "Sao?" Hoặc "Vô lý!" Hoặc "Không đời nào" phụ nữ phải im lặng trong buổi nhóm Hội Thánh. *Đó sẽ là một sự phản bác mạnh mẽ của Phao-lô.*

8.3 Câu 34 và 35 là phần được chèn vào về sau?

Những câu này nghe xa lạ và có nội dung mà ở những chỗ khác nơi Phao-lô người ta không tìm thấy. Ngày nay đã có những dấu hiệu rõ ràng từ các bản chép tay cổ cho thấy những câu này là phần do những người sao chép chèn vào.

Nếu chúng ta chỉ có những nghi vấn từ bên trong, tức là những câu mâu thuẫn hay khó hiểu, thì chúng ta vẫn còn phải chờ được làm sáng tỏ. Nhưng nay đã có những bằng chứng từ các bản chép tay dường như xác nhận điều đó.

Một mối nghi ngờ có cơ sở đầu tiên được khơi lên bởi sự kiện là hai câu này nhiều lần nằm ở những vị trí khác nhau trong các bản chép tay. Có khi ở chỗ mà chúng ta thường thấy, tức là sau câu 33. **Nhưng trong những bản khác, chúng lại nằm sau câu 40.** Cách giải thích đơn giản nhất là thế này: có ai đó đã viết chúng bên lề của một bản sao cổ (codex). Người sao chép kế tiếp đã đưa lời ghi chú bên lề này vào bản văn chính, và tự quyết định đặt nó ở chỗ nào. Nếu lúc nào cũng là cùng một chỗ, thì đã chẳng ai nhận ra điều gì.

Mối nghi ngờ ban đầu này được xác nhận bởi một phát hiện trong **Codex Vaticanus** quan trọng từ thế kỷ 4. Một trong những bản chép tay lớn quan trọng nhất của Tân Ước. Trong bản văn này, những câu ấy cùng một vài câu khác thật sự được đánh dấu là phần chèn vào về sau.

Codex Fuldensis từ thế kỷ 6 cũng có cả hai cách đọc, trong đó cách đọc **không** có câu 34 và 35 được hiểu là một sự sửa chữa.

Như vậy, cả hai bản gốc dùng để chép hai bộ codex (bản chép tay) ấy đều không có những câu này!

Vậy thì chúng cũng không đến từ Phao-lô. Không do Phao-lô viết, thì chúng cũng không được linh cảm, và đơn giản là sai. Như hạt giống giả đã bị gieo vào giữa hạt giống tốt và mọc lên cho đến ngày nay. Nếu xét đến tác động của hai câu này, những gì chúng đã gây ra cho phụ nữ, và biết bao nước mắt, tranh cãi và chia rẽ mà những lời này đã đem lại, thì người ta hoàn toàn có thể hiểu được mối nghi ngờ của luận điểm này.

Khi bỏ đi những câu này, đoạn cuối của 1 Cô-rinh-tô 14 lại trở nên mạch lạc và đem lại một dòng tư tưởng rõ ràng.

Những phụ nữ hiểu lệnh buộc im lặng cách nghiêm túc theo nghĩa đen thì cũng không được cùng hát ngợi khen (14:15) và cũng không được nói "A-men" (14:16). Nhưng họ vẫn làm điều đó, ngay cả ở những nơi mà lệnh buộc im lặng được hiểu như thế. Điều đó thiếu nhất quán và cho thấy rằng *theo cách giải thích này*, ngay cả Phao-lô cũng sẽ tự mâu thuẫn với chính mình. Trong nhà hội của người Do Thái có lẽ đã như vậy, nhưng không phải trong các buổi nhóm của Đấng sống lại.

Tôi thấy thật bi thảm khi những người nam đã dùng lời này của Phao-lô, bất chấp ngữ cảnh của chương, của thư và của Tân Ước, chọn cách giải thích này *gây thiệt thòi cho phụ nữ* và qua đó buộc mọi phụ nữ phải im lặng. *Như vậy họ cướp đi của các buổi nhóm rất nhiều sự phong phú thuộc linh, nếu không nói là cướp đi cả tiếng nói của Chúa*. Vì các chị em cũng có Thánh Linh của Đức Chúa Trời và các ân tứ của Thánh Linh. Lẽ nào trong buổi nhóm quan trọng nhất, một nửa thân thể Đấng Christ phải im lặng? Hay Thánh Linh chỉ hành động qua người nam?

Tôi đã học được rằng phải luôn so sánh Kinh Thánh với Kinh Thánh và tìm những bản văn song song nâng đỡ và xác nhận một cách giải thích. Có bản văn nào khác chứa đựng, gián tiếp giả định hay truyền lệnh buộc phụ nữ im lặng không? Không.

Tổng cộng lại, chỉ có những câu trực tiếp hay gián tiếp cho thấy và gợi ý rằng phụ nữ có tham gia. *Lệnh buộc im lặng chỉ là một bản văn duy nhất. Lại còn khác thường, đến nỗi hoặc nó chỉ về một kiểu nói năng không thích hợp và vì thế bị cấm,*

hoặc nó không phải của Phao-lô, như một phần chèn vào không chính đáng hay như một lời trích dẫn. Khi đó nó sẽ không phải là một chỉ dẫn của sứ đồ, mà hoàn toàn ngược lại.

Làm sao người ta lại có thể, với bằng chứng ít ỏi như thế, quyết định gây thiệt thòi cho các chị em và cấm họ suốt đời không được lên tiếng trong buổi nhóm quan trọng nhất của Cơ Đốc nhân? Và đồng thời lại phản ứng hết sức xúc động và gay gắt khi được nhắc đến đề tài này? Tôi có thể chân thành xin những người nam khăng khăng giữ điều ấy thử đặt mình vào hoàn cảnh của các chị em được không? Tức là chấp nhận một quy định sâu rộng, nghiêm ngặt, không thể giải thích, thậm chí mâu thuẫn như thế, xem như mệnh lệnh của Chúa, chỉ dựa trên hai câu văn? Các mệnh lệnh của Chúa đều có thể hiểu được, chứ không xa lạ và đáng ngờ; chúng nhằm gây dựng và vì lợi ích của chúng ta, chứ không nhằm hạ thấp một giới.

Tôi không thể không đặt câu hỏi: **Ai là kẻ có lợi nhất khi các con gái của Ê-va phải im lặng và bị cấm mở miệng? Đó là con rắn xưa, kẻ đã tấn công người nữ ngay trong vườn. Nhưng Đức Chúa Trời đứng về phía người nữ: dòng dõi của bà sẽ giày đạp đầu con rắn.**

Những người ủng hộ việc các chị em tham gia buổi thờ phượng bằng lời chia sẻ hay bài hát, bằng một bài giảng hay lời làm chứng về đời sống, đôi khi bị cáo buộc là theo nữ quyền hay theo thế gian. Về điều đó tôi phải đáp lại: trong trường hợp rất có thể là hai câu này phản ánh một luật lệ thế tục muốn loại phụ nữ ra khỏi đời sống công cộng và như vậy là phân biệt đối xử với họ, thì trong vấn đề này, ai mới là người theo thế gian?

Nếu ngày nay phụ nữ vẫn còn phải im lặng trong các buổi nhóm vì một luật lệ thế tục của thế kỷ 1 hay thế kỷ 2, vốn đã len vào Kinh Thánh bằng cách gian dối, thì đó là một vụ bê bối bi thảm!

9 Có lệnh cấm chị em dạy dỗ không?

Trước cách Phao-lô và Chúa Giê-xu đối xử với phụ nữ, chúng ta sẽ không nghĩ rằng phụ nữ không được dạy dỗ. Họ thuộc về những người có thể trình bày một sự dạy dỗ trong buổi thờ phượng (1 Cô-rinh-tô 14:26), những người dạy dỗ như Bê-rít-sin đã dạy A-bô-lô (Công Vụ Các Sứ Đồ 18:26), hay những người phải dạy điều hay (Tít 2:3). Như người nam, họ thuộc về những *người* truyền lại điều mình đã học bằng cách dạy dỗ người khác (2 Ti-mô-thê 2:2). Ân tứ dạy dỗ của Thánh Linh cũng không giới hạn cho người nam (Rô-ma 12:7).

Chúa Giê-xu muốn phụ nữ cũng dạy dỗ như người nam: (Ma-thi-ơ 28:19-20) vậy hãy đi khiến muôn dân trở nên môn đồ, làm phép báp-têm cho họ nhân danh Đức Cha, Đức Con và Đức Thánh Linh, **và dạy họ giữ hết cả mọi điều mà Ta đã truyền cho các ngươi.**

Nhưng cũng như với lệnh cấm phát biểu, chỉ có **một câu duy nhất** trong Kinh Thánh được hiểu đúng theo nghĩa là phụ nữ không được dạy dỗ và cũng không được lãnh đạo hay thực thi thẩm quyền. Có những quan điểm khác nhau về việc các câu này chỉ nói về buổi thờ phượng hay bao gồm mọi lĩnh vực của đời sống. Về phương diện này, một lệnh buộc im lặng trong buổi thờ phượng hẳn đã làm sáng tỏ phần lớn: ai không được phép nói thì ở đó cũng không thể dạy dỗ.

Đoạn văn nói trên trong thư 1 Ti-mô-thê liên quan đến một hoàn cảnh lịch sử và rắc rối tại Ê-phê-sô mà chúng ta không biết chính xác. Chúng ta chỉ có lá thư này, tức là một phía của câu chuyện. Chúng ta nên lưu ý điều đó trước khi rút ra những kết luận từ chỗ không biết hay từ sự im lặng, rồi đưa chúng ra như những mệnh lệnh ràng buộc cho mọi thời đại. Theo nghĩa đó, lá thư không được viết gửi cho chúng ta, mà được viết cho lợi ích của chúng ta. Ngược lại, những người nhận thư đã hiểu mọi điều trong hoàn cảnh của họ. Lẽ ra phải xem xét cả đoạn từ câu 8-15, nhưng chúng ta giới hạn ở các câu 11-14. Cuối chương này có một bản diễn ý cả đoạn văn.

[1 Ti-mô-thê 2:11-14, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder] *Người nữ hãy học trong sự yên lặng với mọi sự thuận phục. Nhưng ta không cho phép người nữ dạy dỗ, cũng không được cầm quyền trên người nam, nhưng phải ở yên lặng; vì A-đam được dựng nên trước, rồi mới đến Ê-va; và A-đam không bị lừa dối, nhưng người nữ bị lừa dối và sa vào sự vi phạm.*

Câu nói rằng người nữ phải học là câu duy nhất trong đoạn này ở dạng mệnh lệnh, lại còn mang tính cách mạng. Phần đông phụ nữ không được tiếp cận học vấn, và người ta cũng không mong họ có học vấn. Đây là một chìa khóa cho những chỉ dẫn này. Người nữ – và ở đây chỉ có thể là một người nữ nhất định ("một" người nữ) hay một nhóm phụ nữ – phải học với lòng sẵn sàng tiếp nhận. Để họ không dạy dỗ với một thái độ hống hách bằng những hiểu biết nửa vời hay những giáo lý sai lạc, vốn được nhắc đến nhiều lần trong thư 1 Ti-mô-thê, hoặc tưởng rằng mình có thể dạy đời chồng mình.

Chữ "cầm quyền" ở đây không có nghĩa là sự lãnh đạo thuộc linh, cũng không phải thẩm quyền dạy dỗ. Chữ Hy Lạp này chỉ xuất hiện một lần duy nhất trong Tân Ước và trong ngôn ngữ thông thường thời ấy mang một nghĩa tiêu cực. Phao-lô dùng những chữ khác cho quyền năng hay thẩm quyền. Như vậy, trong thư gửi Ti-mô-thê, chữ này mô tả một sự trật đường ray, một cách cư xử tiêu cực, đe dọa, thậm chí lấn lướt. Ông cũng sẽ cấm người nam điều tương tự. Nhưng ở đây cụ thể là một vấn đề của phụ nữ. **Dạy dỗ và cầm quyền** không phải là một sự kết hợp được mong muốn, mà là một sự kết hợp sai trái, mà chúng ta thậm chí không biết chính xác nó có thể mang ý nghĩa gì. Vì vấn đề được đề cập chính xác là gì, chúng ta chỉ có thể cố gắng tái dựng từ những lời này. **Thẩm quyền dạy dỗ đến từ việc dạy giáo lý lành mạnh, từ ân tứ dạy dỗ, và từ sự đồng thuận cùng sự ủng hộ của Hội Thánh và ban lãnh đạo Hội Thánh.**

Dịch chính xác hơn thì câu ấy là: *Hiện nay ta không cho phép một người nữ …* Như vậy bản văn này nói đến một hoàn cảnh địa phương, có thể thay đổi theo chiều hướng tốt, khi người nữ đã làm xong "bài tập ở nhà" của mình. Chính việc nhắc nhở những sự sửa đổi này là lý do của cả lá thư, vốn đề cập đến nhiều người cụ thể và những giáo lý sai lạc (1 Ti-mô-thê 1:3-6; 1:19-20; 4:1-10; 5:13-16; 6:3-10; 6:20-21).

Bây giờ Phao-lô nêu ra vắn tắt câu chuyện A-đam và Ê-va. Như một sự so sánh và một ví dụ. Không phải để mô tả một quyền ưu tiên của A-đam. Cũng không phải để nêu một sự yếu đuối hay sự dễ bị cám dỗ hơn của Ê-va, và qua đó của mọi phụ nữ, làm lý do cho một lệnh cấm dạy dỗ. Việc A-đam được dựng nên trước không làm nền tảng cho vai trò lãnh đạo của ông và như vậy cho một trật tự sáng tạo trước sự sa ngã; Phao-lô chỉ đơn giản thuật lại thứ tự thực tế. Nói cách khác: Phao-lô không nói rằng phụ nữ không được dạy dỗ vì A-đam được dựng nên trước. Trong nguyên văn, chữ nhỏ "vì" *đôi khi, nhưng không phải luôn luôn,* là khởi đầu của một lý do; như ở những chỗ khác, nó cũng có thể đơn giản là khởi đầu của một sự so sánh, một hình ảnh lấy từ Cựu Ước.

Chỉ những người nhận thư mới biết chính xác vì sao Phao-lô nhắc đến A-đam và Ê-va trong ngữ cảnh này. Chúng tôi cho rằng những cách giải thích sau đây là có thể và dễ hiểu, mà không rút ra từ đó những kết luận sâu rộng:

Trong các giáo lý ngộ đạo đang lưu hành ở Ê-phê-sô, câu chuyện sáng tạo của Kinh Thánh bị pha trộn với những yếu tố ngoại giáo, đặc biệt là thuyết ngộ đạo (Gnosis) (6:20). Các giáo lý này đề cao Ê-va là người đầu tiên và là sức mạnh nữ tính đã thổi linh hồn vào A-đam. Có lẽ việc nhắc đến điều này, với sự nhấn mạnh thứ tự, nhằm sửa sai. Sự thờ phượng nữ thần Artemis (Đi-anh), vốn chi phối đời sống thành Ê-phê-sô, cùng với những huyền thoại, giáo lý và cách thực hành đi kèm, hẳn đã đóng một vai trò. Đối với Hội Thánh, đó là một mối đe dọa. Dù ở đây không được nhắc đến, nhưng trong Công Vụ Các Sứ Đồ 19 người ta có được một ấn tượng sống động. Phao-lô biết rõ những mối nguy hiểm ấy; ông đã ở Ê-phê-sô đủ lâu.

Ê-va không chỉ được dựng nên sau A-đam, mà còn từ A-đam và vì A-đam, để làm một người bạn đời giúp đỡ và ngang hàng, chia sẻ mọi điều với ông. Khi con rắn đến gần bà, bà bị lừa dối, vì dường như bà muốn một mình vượt qua tình huống này. Trong mối nguy hiểm sống còn ấy, bà không tìm đến người bạn đời của mình để cùng nhau đối diện thử thách. Cũng vậy, phụ nữ ở Ê-phê-sô, và rốt cuộc mọi phụ nữ, không nên gạt bỏ người bạn đời của mình, mà hãy cùng hành động với họ và, khi cần thiết, học hỏi nơi họ.

A-đam nhận điều răn về trái cấm trước khi có Ê-va. Theo nghĩa đó, Ê-va phải nghe điều ấy từ chồng mình. Có lẽ Ê-va bị lừa dối vì bà đã không lắng nghe đủ kỹ. Đó là một lời cảnh báo cho một số phụ nữ ở Ê-phê-sô, hãy học hỏi và được đặt nền vững chắc trong sự dạy dỗ của Tin Lành và của Chúa Giê-xu Christ chúng ta. **Chỉ khi đó họ mới có thể dạy dỗ, kể cả người nam.** A-đam không bị lừa dối; ông biết điều răn tận tai mình, trực tiếp từ Đức Chúa Trời, và đã phạm tội khi hoàn toàn biết rõ. Như chúng ta đã thấy trong Sáng Thế Ký, tội của ông không phải là bị dỗ dành, mà là phạm tội với đôi mắt mở to, tức là hoàn toàn biết rõ và ưng thuận.

Vì lá thư của Phao-lô nhằm chống lại giáo lý sai lạc (từ 1:3 trở đi), tại sao người ta lại đọc 2:12 như một lệnh cấm phụ nữ dạy giáo lý đúng, mà không đọc như một lệnh cấm phụ nữ dạy giáo lý sai?

Dạy điều sai theo một cách không thích hợp là một vấn đề cụ thể của một hay vài phụ nữ ở Ê-phê-sô. Nhưng rõ ràng là người nam cũng không được làm đúng điều ấy. Mọi người đã học biết lẽ thật thì hãy dạy dỗ người khác với một thái độ phục vụ.

Sau đây là một *bản diễn ý có giải thích* của 1 Ti-mô-thê 2:8-15. Tôi sẽ diễn đạt vắn tắt bản văn khó này như sau:

Ti-mô-thê thân mến, để giải quyết những vấn đề ở Ê-phê-sô với một số người nam và một số người nữ cùng những giáo lý sai lạc của họ, cần phải làm điều sau đây: Những người nam hãy bắt đầu cầu nguyện. Ở bất cứ nơi nào họ gặp nhau. Kể cả cách công khai. Thay vì tranh cãi về những huyền thoại và giáo lý sai lạc. Cơn giận và sự cãi cọ ngăn trở sự cầu nguyện. Cùng nhau cầu nguyện dẫn đến một đời sống yên tĩnh, bình an, và sự hòa thuận với nhau. Với đôi tay giơ lên, mở ra và sẵn sàng đón nhận, tinh sạch khỏi sự tranh cãi và bạo lực, họ hãy cùng nhau thờ phượng Đức Chúa Trời là Cứu Chúa của chúng ta, và cầu thay cho mọi người trước ngai Đức Chúa Trời.

Dĩ nhiên phụ nữ cũng phải cầu nguyện, cũng như người nam. Ở đây điều quan trọng là phụ nữ – tôi muốn nói nhất là những phụ nữ giàu có – hãy tỏ ra khiêm tốn ở bất cứ nơi nào họ xuất hiện và được nhìn thấy. Đồ trang sức của họ, vốn thu hút sự chú ý của người nam và cả người nữ về phía họ để hơn thua nhau, không nên là những kiểu tóc cầu kỳ, nổi bật, hay vàng ngọc,

trân châu và quần áo đắt tiền, lạ mắt. Những phụ nữ theo Đấng Mê-si-a không cần phải phô trương bản thân như thế, hay dùng cách ấy để gây ảnh hưởng và áp đảo người khác. Có một thứ trang sức và ảnh hưởng quý giá hơn, thậm chí được mọi người kính trọng: những việc lành.

Người nữ phải học biết lẽ thật của Tin Lành là gì. Với lòng ham học, chăm chú và khao khát hiểu biết. Ngay trong nhà mình. Đặc biệt đối với một số phụ nữ trong số này, hiện nay tôi không cho phép họ tiếp tục truyền bá tất cả những huyền thoại và giáo lý sai lạc ấy. Họ không được tự tôn mình lên trên chồng, độc đoán áp đảo và dạy đời chồng. Họ hãy lắng nghe khi chồng mình hay những người nam trong Hội Thánh giải thích cho họ giáo lý lành mạnh. Vì họ cần điều đó, bởi họ thiếu hiểu biết, và sự thiếu hiểu biết này gây ra thiệt hại lớn khi họ truyền bá những huyền thoại trong các gia đình.

Sự dựng nên A-đam và Ê-va chính là ví dụ thích hợp cho điều này. A-đam được dựng nên trước, và chính ông là người phải dạy cho Ê-va. Ông không bị lừa dối. Nhưng Ê-va đã bị lừa dối và bị đánh lừa. Trong cơn cám dỗ, bà đã không tìm đến người bạn đời của mình. Nếu phụ nữ không sẵn lòng học hỏi, họ sẽ bị lừa dối như Ê-va và trở thành cạm bẫy cho người khác. Nếu một số phụ nữ ở Ê-phê-sô không học hỏi nơi chồng mình, điều tương tự cũng sẽ xảy ra. Chỉ khi đã học xong, họ mới được dạy dỗ người khác, kể cả người nam.

Và những phụ nữ này hãy biết rằng họ sẽ được gìn giữ khi sinh con. Bất chấp sự dỗ dành mà Ê-va đã chịu và những rủi ro lớn của việc sinh nở. Chỉ Đức Chúa Trời, Cứu Chúa của chúng ta, mới cứu, chứ không phải nữ thần bảo hộ của Ê-phê-sô do con người tạo ra, là Artemis. Vì vậy họ hãy chú tâm vào đức tin, tình yêu thương và sự thánh khiết. Cùng nhau như một cặp vợ chồng, như A-đam và Ê-va, là một thịt. Phụ nữ không nên sợ sinh con. Không ai được cấm họ kết hôn. Người nam hãy tiết chế về tình dục và nhớ rằng quá nhiều lần thai nghén là một mối nguy hiểm cho vợ mình.

10 Chức tế lễ của mọi tín hữu

Trong vườn địa đàng, A-đam và Ê-va, trong sự vô tội trước khi sa ngã, là những *vị vua* quản trị, và những *thầy tế lễ* sống trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời. Với Ngài và vì Ngài. Việc *trồng* và *giữ* là những chữ về sau được dùng cho công việc của thầy tế lễ (Sáng Thế Ký 2:15).

Vườn địa đàng ở Ê-đen là hình ảnh của Nơi Chí Thánh trong đền thờ. Ê-đen mới và tốt đẹp hơn, tức là đất mới, sẽ là một Nơi Chí Thánh bao trùm toàn cầu. Cả trái đất sẽ là một vườn địa đàng. Vì vậy Giê-ru-sa-lem mới, hình ảnh của cõi sáng tạo mới, có hình dạng một khối lập phương khổng lồ (Khải Huyền 21). Điều đó tương ứng với hình dạng của Nơi Chí Thánh trong đền thờ. Đất mới có dân cư là phụ nữ và nam giới, các vua và các nữ hoàng, các thầy tế lễ và các nữ thầy tế lễ.

Ở đó sẽ có thứ bậc trong quan hệ giữa nam và nữ không? Có người nói không, vì đó là cõi sáng tạo mới. Theo họ, thứ bậc chỉ áp dụng cho cõi sáng tạo cũ đã sa ngã. Nhưng trong Hội Thánh, cõi sáng tạo mới đã bắt đầu rồi. Ở đó, tương lai này ngay bây giờ đã hiện ra trong cách cư xử với nhau. Vậy tại sao trong Hội Thánh vẫn còn một thứ bậc mà Đức Chúa Trời không muốn? **Trong Hội Thánh của Chúa Giê-xu, chỉ có sự thuận phục lẫn nhau và tự nguyện là đáng kể.**

Cuộc Cải cách Tin Lành đã đưa lẽ thật về chức tế lễ của mọi tín hữu ra ánh sáng trở lại. Tuy nhiên, trong thực hành của giáo hội, điều đó không hoặc hầu như không được thể hiện. Không ai, kể cả Giáo hội Công giáo, nghi ngờ chức tế lễ của mọi tín hữu. Câu hỏi là lẽ thật này có ý nghĩa thực tế gì cho đời sống Hội Thánh. Việc mỗi tín hữu, nữ và nam, đều là thầy tế lễ lẽ ra đã đủ là lý do để cả hai giới có thể có cùng vai trò hay chức vụ trong buổi thờ phượng. Thế nhưng còn xa mới được như vậy. Một mặt, chức tế lễ của mọi tín hữu được sống cách cá nhân. Sự cầu nguyện và sự tương giao với Đức Chúa Trời là một phước hạnh cá nhân, riêng tư. Khuôn mẫu của chức tế lễ và công việc dâng tế lễ đi kèm đến từ Cựu Ước, nơi thầy tế lễ chủ trì sự thờ phượng và dâng tế lễ. **Vì vậy, khi nói đến chức tế lễ của mọi tín hữu, điều**

tự nhiên là cũng nghĩ đến việc các tín hữu nhóm lại, cùng nhau bước vào nơi thánh trên trời như những người thờ phượng. Và cùng nhau, nơi bàn của Chúa, bàn thờ thuộc linh, dâng những tế lễ thuộc linh là sự ngợi khen. Ở đó có thể hay được phép có sự phân biệt giới tính không? **Lời Đức Chúa Trời không phân biệt như thế trong Giao Ước Mới. Vậy thì chúng ta cũng không nên phân biệt.**

Trong Giao Ước Cũ, chỉ người nam mới là thầy tế lễ. Nhưng không phải người nam nào cũng có thể làm thầy tế lễ hay người Lê-vi. Người ta phải sinh ra là người Lê-vi, và muốn làm thầy tế lễ thì phải thuộc dòng dõi A-rôn. Thêm vào đó còn phải tinh sạch theo nghi lễ và không có khuyết tật nào trên thân thể.

Nhân tiện xin nói, công việc của thầy tế lễ, giống như công việc của người hàng thịt, đầy bạo lực và nặng nhọc. Việc xẻ thịt các con vật dưới cái nóng của vùng Cận Đông là công việc đổ mồ hôi, tốt hơn nên do người nam – trung bình thì đơn giản là khỏe hơn phụ nữ – đảm nhận. Loại công việc tế lễ trong sự thờ phượng như thế ngày nay không còn nữa.

Chúng ta cũng nên lưu ý rằng chính sự phát triển của một chức tế lễ đặc biệt (dành cho nam) thuộc dòng Lê-vi là một dấu hiệu cho sự thất bại của Y-sơ-ra-ên, vì nó chỉ hình thành sau khi dân sự bị con bò vàng dẫn dụ vào sự thờ hình tượng (Xuất Ê-díp-tô Ký 32), mà chỉ có người Lê-vi đứng lên chống lại (câu 26-29). **Ý định ban đầu của Đức Chúa Trời cho dân Ngài là tất cả họ đều phải là "một nước thầy tế lễ" (Xuất Ê-díp-tô Ký 19:6), một khải tượng mà nay được thực hiện trong và qua Đấng Christ (Khải Huyền 1:6; Hê-bơ-rơ 13:15). Mục đích của Đức Chúa Trời đã đạt được: phụ nữ và nam giới nay đều là thầy tế lễ của Đức Chúa Trời.**

Đời sống của chúng ta, không chỉ của người nam, mà của cả người nam lẫn người nữ, phải là một của lễ sống dâng cho Đức Chúa Trời – cả cuộc đời là một sự phục vụ của thầy tế lễ (Rô-ma 12:1-2).

11 Chị em có được làm trưởng lão không?

Nếu không có lệnh buộc im lặng chung và không có lệnh cấm dạy dỗ chung cho các chị em, thì họ có được làm nữ trưởng lão không?

Có những Hội Thánh có các trưởng lão chính thức, và mọi tín hữu trong Hội Thánh đều biết ai là trưởng lão. Có những Hội Thánh chỉ nói đến chức vụ của các trưởng lão; về căn bản, điều đó không tạo nên sự khác biệt nào khi xét đến công việc của họ: dạy dỗ, bảo vệ và dẫn dắt bầy chiên, quan tâm chăm lo, coi sóc, chăm sóc linh hồn.

Mỗi người đều là con đẻ của thời đại mình, trừ khi người ấy sống hoàn toàn biệt lập. Thời thế thay đổi, đôi khi theo chiều hướng tốt. Tôi muốn nói gì qua điều đó? Rằng các thư tín của Tân Ước được viết trong một thời đại mà chế độ phụ quyền là trật tự nền tảng của xã hội. Người ta cho rằng người nữ kém năng lực và thấp kém hơn người nam, và vì thế người nữ không có mặt trong đời sống công cộng. Phụ nữ không có quyền bầu cử. Chính sự phân biệt đối xử này, dù ở quy mô nhỏ hay lớn, là điều đã xảy đến qua sự sa ngã.

Chúng ta đã thấy **rằng Chúa Giê-xu và Phao-lô không thích nghi với trào lưu thời đại, mà đã ban cho phụ nữ phẩm giá mà họ có với tư cách người mang hình ảnh Đức Chúa Trời.** Tuy vậy, theo những gì chúng ta biết, các sứ đồ và cộng sự của họ có lẽ chỉ lập những trưởng lão nam. Điều đó hoàn toàn dễ hiểu. **Họ phải bắt đầu với những gì đang có, với nơi con người đang sống trong nền văn hóa của họ, chứ không phải nơi mà người ta muốn họ ở.** Nhưng điều đó không có nghĩa là phải luôn luôn như vậy, hay nên như vậy. Phê-bê ở Cô-rinh-tô (Rô-ma 16:1) chỉ là một ngoại lệ đã có thể có ngay từ thời Phao-lô. Bản thân sự lãnh đạo không phải là chuyện riêng của đàn ông. Thậm chí có những nghiên cứu quy mô lớn cho thấy phụ nữ là những nhà lãnh đạo giỏi hơn. Tôi không thể đánh giá điều đó, nhưng về căn bản, điều đó cho thấy rõ rằng phụ nữ không hề có giới hạn nào về tinh thần hay trí tuệ.

Nhưng Tân Ước nói gì? Có một gợi ý quan trọng cho câu hỏi này trong 1 Ti-mô-thê 3:1, mà hầu như không ai để ý:

Lời này là chắc chắn: Nếu ai *mong muốn chức vụ giám mục (người coi sóc), ấy là ưa muốn một việc tốt lành.*

Câu này đến ngay sau đoạn văn nói về việc một người nữ dạy sai và cầm quyền. **Câu này không mở đầu một đoạn mới, mà là phần kết thúc của 2:8-15.** Trong các bản văn nguyên thủy không có sự chia đoạn, số câu và tiêu đề. *Câu 1 của chương 3 liên quan đến người nữ hay những người nữ trong 2:11-15.* Câu ấy không hề nói: nếu một người nam mong muốn một chức vụ như thế. Nó cũng có thể có nghĩa: nếu một người nữ hay những người nữ mong muốn một chức vụ như thế. **Chữ "ai" là trung tính, không phải nam cũng không phải nữ.**

Phao-lô muốn phụ nữ, trước khi dạy dỗ người khác, hãy tự mình học trước. Và ngay cả khi đã học xong, cũng không hống hách giành lấy thẩm quyền dạy dỗ. Khi đó họ có thể bước vào chức vụ giám mục hay trưởng lão này, hoặc được kêu gọi vào chức vụ ấy. Với sự trưởng thành và năng lực cần thiết, chức vụ này mở ra cho họ (không chỉ khi không có người nam). Ở đây Phao-lô mở cửa cho phụ nữ, và từ lâu ông đã biết những phụ nữ như thế là các nữ cộng sự của mình.

Tiếp theo là những tiêu chuẩn cần thiết. Từ đó có thể thấy rằng dĩ nhiên người nam cũng phải thi hành chức vụ này. Người nam chỉ được có một vợ. Đối với phụ nữ muốn làm nữ trưởng lão, điều tương tự cũng áp dụng**. Các đại từ ngay từ đầu bảng liệt kê đều là trung tính. "Chồng của chỉ một vợ" thời ấy là một thành ngữ chỉ sự chung thủy trong hôn nhân, cũng là chế độ một vợ một chồng, chứ không phải là đòi hỏi rằng chỉ người nam mới được làm trưởng lão.**

Thời ấy, người nam với tư cách là *pater familias* đứng đầu gia đình. Giỏi trong việc đó là một trong những tiêu chuẩn cũng có thể áp dụng cho phụ nữ (1 Ti-mô-thê 5:14 – cai quản việc nhà). Trong các thư của mình, Phao-lô cũng đòi hỏi tất cả những phẩm chất này nơi phụ nữ. Cả những tiêu chuẩn này lẫn chính chức vụ giám mục đều không phải là chuyện riêng của đàn ông.

Phụ nữ cũng được phép ước muốn việc tốt lành này!

Về chức vụ chấp sự thì ít có tranh luận hơn: câu 11 cho thấy phụ nữ cũng phải là nữ chấp sự.

Loại phụ nữ ra khỏi sự lãnh đạo Hội Thánh có nghĩa là tự làm hại chính mình (Ê-phê-sô 5:29). Đáng tiếc là việc loại các chị em ra khỏi các nhóm lãnh đạo và các "buổi họp anh em" cũng đã dẫn đến chỗ những người nam kém hoặc không có năng lực thường được đưa vào sự lãnh đạo Hội Thánh. Thiệt hại phát sinh từ đó không cần phải mô tả ở đây.

Đức Thánh Linh ban cho người nam và người nữ ân tứ lãnh đạo và cai quản (1 Cô-rinh-tô 12:28; Rô-ma 12:8). Chúng ta hãy bắt đầu tìm kiếm những phụ nữ như thế, nâng đỡ họ và mời họ vào những chức vụ như vậy. Một bước đầu tiên, đơn giản, là tổ chức các buổi họp lãnh đạo cùng với vợ của những người nam lãnh đạo.

Nếu Phi-e-rơ và Phao-lô cho rằng sự lãnh đạo Hội Thánh chỉ dành riêng cho người nam, thì tại sao sự dạy dỗ của họ về các ân tứ lãnh đạo lại hướng đến cả người nam lẫn người nữ, mà không nói rõ sự giới hạn ấy? Sự dạy dỗ về các ân tứ thuộc linh cho thấy rằng trong Giao Ước Mới, về sự lãnh đạo Hội Thánh, không có sự khác biệt nào giữa người nam và người nữ.

Việc Chúa Giê-xu chọn mười hai sứ đồ làm các sứ đồ sáng lập phong trào mới của Ngài cũng không mâu thuẫn với điều đó. Đúng vậy, họ đều là người Do Thái, người tự do và là nam giới. **Nhưng Ngài lập họ trong một thời kỳ chuyển tiếp, trước khi Giao Ước Mới được khai mở. Gợi nhớ đến mười hai tộc trưởng, họ tượng trưng cho sự khôi phục dân sự Đức Chúa Trời như những người theo Chúa Giê-xu.**

Không ai tranh cãi rằng sau Lễ Ngũ Tuần, trong thời đại của Thánh Linh, những người lãnh đạo Hội Thánh kế tiếp có thể là người ngoại hay nô lệ. Việc nhóm Mười Hai là người Do Thái và người tự do không phải là lý lẽ chống lại những người lãnh đạo như thế. Cũng vậy, việc mười hai sứ đồ là nam giới không phải là lý lẽ chống lại việc những người lãnh đạo về sau có thể là nữ giới.

Nếu các sứ đồ cho rằng việc phụ nữ không có chỗ trong chức vụ lãnh đạo là điều quan trọng, thì họ đã nói ra. Nhưng không ở đâu có dù chỉ một gợi ý về việc loại trừ phụ nữ.

Sau cùng, về lời phản bác rằng tất cả những điều này là sự "cào bằng" và xóa bỏ những khác biệt giữa nam và nữ vốn có từ sự sáng tạo. Tôi phản đối điều đó cách rõ ràng, vì bên cạnh A-đam không phải là một A-đam thứ hai được đặt vào, mà là một Ê-va. Bà có điều mà ông không có. Cùng nhau họ bổ sung cho nhau, không có sự ở dưới hay ở trên nào theo thứ bậc hay địa vị.

Những khác biệt giữa nam và nữ là rõ ràng và không thể bỏ qua. Chữ "bình đẳng" (egalitär), hiểu là sự như nhau giữa nam và nữ, ít giúp ích cho cuộc thảo luận này. Ở đây vấn đề không phải là điều gì làm nên sự khác biệt giữa làm người nam và làm người nữ, và ngược lại, mà là loại bỏ một sự khác biệt về thứ hạng không theo Kinh Thánh, vốn bị dùng để hạn chế hay thậm chí ngăn cản sự phục vụ của người nữ trong Hội Thánh. **Thu hẹp sự phục vụ của phụ nữ rốt cuộc có nghĩa là chống lại Đức Thánh Linh.**

12 TRÙM ĐẦU – NGÀY NAY VẪN CÒN SAO?

Cái gọi là *việc trùm đầu* trong Tân Ước chỉ xuất hiện trong *1 Cô-rinh-tô 11:2-16*. Rõ ràng đó là một đề tài gây tranh cãi ở Cô-rinh-tô. Ở đây chúng ta cũng không biết bối cảnh nơi những người nhận thư. Người Cô-rinh-tô hẳn đã hiểu từng câu Phao-lô viết về điều này. Cách giải thích của tôi là một trong nhiều cách. Đối với chúng ta, đây vẫn là một bản văn khó. Để hiểu điều đó, tôi xin bạn, người chị em thân mến, nếu bạn trùm đầu, hãy thử tự làm rõ cho mình lý do của việc ấy dựa trên đoạn văn này. **Bạn trùm đầu vì sao, ở đâu và khi nào (nếu điều này áp dụng cho bạn)?**

Ở đây vấn đề là áp dụng bản văn này của Phao-lô, vốn không được viết gửi cho chúng ta, mà cho lợi ích của chúng ta, và trả lời câu hỏi: ngày nay nó có tính ràng buộc không, và nếu có thì thế nào?

Đoạn văn này thường được giải thích như sau: người nam hay người chồng là đầu của người nữ và có vai trò lãnh đạo theo sự sáng tạo. Người nữ hay người vợ bày tỏ điều đó cách công khai khi cầu nguyện và nói tiên tri bằng việc có một vật gì đó trên đầu, tức là khăn trùm đầu (ngày nay: khăn choàng, mũ, khăn trùm v.v.). Đó là loại y phục nào dùng để trùm thì vẫn còn bỏ ngỏ. Có lẽ phần vạt dài của chiếc áo choàng ngoài được quàng quanh và trùm lên đầu khi cần.

Câu hỏi đầu tiên là việc trùm đầu được đòi hỏi ở đâu: trong hay ngoài buổi thờ phượng? Vấn đề là các chị em cầu nguyện và nói tiên tri **ở đâu**. Trong một chương trước (chương 8), tôi đã nói rằng điều này phải liên quan đến buổi thờ phượng, tức là nơi người nam và người nữ cùng nhau cầu nguyện và nói tiên tri.

Người ta thường cho rằng Phao-lô khuyên phụ nữ trùm đầu vì họ, hay một số người trong họ, không muốn trùm đầu nữa. Có thể là vậy. Dựa vào câu 10, tôi lại thấy ngược lại: **Có những người nam đòi phụ nữ phải bỏ khăn trùm đầu.** Hoặc vì coi đó là sự tự do Cơ Đốc mới, hoặc vì những động cơ vô đạo đức, cụ thể là để có thể nhìn thấy phụ nữ trong Hội Thánh và mái tóc của họ theo cách mà bình thường không thể hay hầu như không thể. **Vì vậy**

Phao-lô khích lệ phụ nữ và công nhận cho mọi phụ nữ quyền (câu 10) được trùm đầu. Tuy nhiên, không nhất thiết phải trả lời câu hỏi ai đã đòi hỏi điều gì.

Về điều này, cần biết việc trùm đầu có vai trò gì ở Cô-rinh-tô của người Hy Lạp và trong Đế quốc La Mã thời ấy. *Phụ nữ đã kết hôn luôn trùm đầu nơi công cộng, không chỉ trong buổi thờ phượng.* Đó là một phần phẩm giá của họ với tư cách người phụ nữ có chồng, không dành cho những người đàn ông khác. Ngược với gái mại dâm và cả nữ nô lệ, là những người không trùm đầu. Nữ nô lệ thậm chí bị cấm trùm đầu. Việc trùm đầu, có lẽ là một tấm choàng giống như khăn trùm, một mặt là sự che chở, mặt khác là dấu hiệu của sự trung thành với chồng. Đó là một phẩm giá xã hội được bày tỏ qua việc trùm đầu. **Vấn đề thuận phục không liên quan gì đến việc trùm đầu. Trong nền văn hóa cổ đại ấy, đằng nào phụ nữ cũng đã ở dưới quyền người nam rồi. Khăn trùm đầu không phải là dấu hiệu của sự thuận phục, mà của sự thuộc về, cụ thể là thuộc về chồng mình. Sự thuận phục không phải là đề tài của bản văn Cô-rinh-tô này.** Điều mà ở Cô-rinh-tô và thời ấy hầu như khắp nơi là phong tục xã hội tốt đẹp, thì ngày nay vẫn còn ở các nước Hồi giáo, nhưng không còn ở phương Tây chúng ta nữa. *Những biểu tượng như khăn trùm đầu chỉ có ý nghĩa ở nơi mà xã hội và nền văn hóa của nó biết chúng có ý nghĩa gì.*

Trong câu 10, Phao-lô đưa ra một tuyên bố rõ ràng để giải quyết vấn đề khăn trùm đầu – **hãy chú ý: trong nguyên văn không hề có chữ nào nói về việc có một dấu hiệu của thẩm quyền hay quyền phép trên đầu** (tức là một khăn trùm đầu). Dịch đúng thì câu ấy là:

Vì vậy, người nữ phải có quyền trên đầu mình, vì cớ các thiên sứ.

Câu này cho thấy rằng có lẽ đã có người đưa ra đòi hỏi rằng không cần trùm đầu nữa, vì bây giờ Phao-lô nói: *Người nữ được tự quyết định có trùm đầu hay không. Và đó là mọi phụ nữ trong Hội Thánh. Kể cả những người chưa kết hôn, những người đã được trả tự do, những nữ nô lệ và những gái mại dâm đã tin Chúa. Phao-lô ban cho mọi phụ nữ phẩm giá được trùm đầu trong Hội Thánh hay trong buổi thờ phượng. Ai được xem là xứng đáng một ngày kia xét đoán thiên sứ (1 Cô-rinh-tô 6:3) thì chắc chắn được tự mình quyết định việc này.*

Như vậy Phao-lô cũng trả lời câu hỏi mà chúng ta đặt ra trong thế kỷ 21 khi đọc bản văn này: mỗi phụ nữ tự quyết định việc trùm đầu có thích hợp với mình hay không. Không phải chồng mình hay những người nam trong ban lãnh đạo Hội Thánh. Ngày nay, khăn trùm đầu trong buổi thờ phượng đúng hơn gây bối rối cho người ngoài. Điều đó hoàn toàn ngược lại với tác dụng của nó ở Cô-rinh-tô. Khăn trùm đầu ngày nay, theo đúng nghĩa đen của từ, đã lỗi thời.

Ngược lại với những sự thích nghi theo văn hóa và thời đại, những điều sau đây trong bản văn này vẫn còn giá trị vượt thời gian:

- **Đầu không có nghĩa là thủ lĩnh, người lãnh đạo hay thẩm quyền trên ai, mà có nghĩa là nguồn gốc và cội nguồn.**
- Đấng Christ, với tư cách là đầu, là nguồn gốc đáng tôn trọng của người nam (với tư cách là Đấng Tạo Hóa của người nam); người nam (A-đam), với tư cách là đầu, là nguồn gốc đáng tôn trọng của người nữ (Ê-va); và Đức Chúa Trời, với tư cách là đầu, là nguồn gốc đáng tôn trọng của Đấng Christ (trong sự nhập thể của Ngài).
- **Người nam và người nữ cầu nguyện và nói tiên tri trong buổi thờ phượng.**
- Mỗi người tôn trọng cái đầu đáng tôn trọng của mình như là nguồn và nguồn gốc của sự hiện hữu của mình, nhất là trong một nền văn hóa danh dự – hổ thẹn. *Sự hổ thẹn và sự mất danh dự không liên quan đến Đức Chúa Trời, mà liên quan đến văn hóa.*
- **Sự khác biệt giữa nam và nữ phải luôn dễ nhận ra.**
- *Người nam và người nữ phụ thuộc lẫn nhau,* họ bổ sung cho nhau mà không có thứ bậc hay sự khác biệt về giá trị và thứ hạng.
- **Vinh hiển và danh dự của Đức Chúa Trời là điều trước hết. Không điều gì trong buổi thờ phượng được làm phân tán sự chú ý khỏi Đức Chúa Trời.**
- Phao-lô gói gọn đề tài về giới tính này trong một câu nói lên đúng trọng tâm sự ngang hàng, như cũng áp dụng trong Hội Thánh nhóm lại, trong

buổi thờ phượng:

- *Vì như người nữ đến từ người nam, thì người nam cũng sinh ra bởi người nữ; nhưng mọi sự đều đến từ Đức Chúa Trời.* [1 Cô-rinh-tô 11:12]

Dĩ nhiên đoạn văn phức tạp này chứa đựng nhiều điều hơn chỉ một câu 10 này (hay câu 12), là câu nằm ngay giữa đoạn văn.

Vì vậy, như với 1 Ti-mô-thê 2, sau đây là *bản diễn ý cả đoạn văn* có giải thích của tôi, như tôi sẽ giải thích vắn tắt:

Tôi muốn anh em người Cô-rinh-tô ý thức rằng nguồn gốc, tức là đầu của mọi người nam, là Đấng Christ, Đấng Mê-si-a. Qua Ngài, A-đam đã được dựng nên, và cùng với A-đam là mọi người nam. Và là người nam, anh em thuộc về Ngài.

Đầu của người nữ là người nam. Từ cạnh sườn của người nam, Ê-va đã được nắn nên, để cùng với ông trở nên một. Ông là đầu, bà là thân. Người nam là nguồn gốc của bà, và bà cũng thuộc về ông, là người vợ để giúp đỡ và bổ sung.

Chúng ta cũng thấy mối quan hệ này nơi Đấng Christ. Đầu của Ngài là Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời đã sinh ra Con Ngài, Đấng bằng Ngài, khi Con trở nên người.

Nếu một người nam ở Cô-rinh-tô cầu nguyện hay nói tiên tri thành tiếng trong buổi nhóm mà trùm đầu, thì đó là điều không xứng đáng. Người ấy tôn vinh chính mình, chứ không tôn vinh Đấng Christ là đầu mình. Vì những kẻ thờ hình tượng trùm đầu khi dâng tế lễ cho thần tượng. Khi không trùm đầu, người nam bày tỏ sự khiêm nhường và tôn vinh Đấng Christ vô hình.

Đối với phụ nữ thì ngược lại. Những phụ nữ cầu nguyện và nói tiên tri trong buổi nhóm mà không trùm đầu thì làm hổ thẹn đầu mình. Họ làm mất danh dự chính mình và chồng mình, tức là đầu của họ. Vì với mái tóc xõa, họ thu hút sự chú ý về phía mình, thay vì về phía Đức Chúa Trời và Đấng Christ.

Nếu có ai đòi rằng phụ nữ không cần trùm đầu, thì người ấy chưa suy nghĩ đến nơi đến chốn. Vì anh em biết rằng ở Cô-rinh-tô, một phụ nữ không trùm đầu bị xem như người bị cạo đầu, và giống như một phụ nữ làm nghề mại

dâm hay đang tìm kiếm quan hệ tình dục. Nếu bà không che hay trùm đầu nơi công cộng, thì theo lẽ đương nhiên bà cũng nên cắt tóc hay cạo trọc đầu luôn.

Tôi biết, đó không phải là điều anh em muốn đạt được qua đòi hỏi của mình! Nhưng trong xã hội anh em đang sống, đó sẽ là hậu quả! Vì vậy, đừng liều mình trở thành một sự vấp phạm cho những người đến với anh em và thấy rằng giữa anh em, phong tục trùm đầu thông thường nơi công cộng bị khước từ.

Người nam không nên trùm đầu trong buổi thờ phượng, trước sự hiện diện của Đức Chúa Trời. Vì người nam là hình ảnh của Đức Chúa Trời và sự phản chiếu vinh hiển của Ngài. Người nữ cũng là hình ảnh của Đức Chúa Trời, nhưng hơn thế nữa, bà còn là sự phản chiếu vinh hiển của người nam. Vẻ đẹp của bà là vẻ đẹp của chồng bà, người mà từ đó bà được dựng nên và với người đó bà là một.

Làm sao bà có thể trở thành vinh hiển của ông? Chắc chắn không phải vì ông được dựng nên từ bà, mà vì bà được nắn nên từ ông, từ cạnh sườn ông. Và bà không phải là vinh hiển của người nam vì ông được dựng nên vì cớ bà, mà là ngược lại. Bà được dựng nên vì cớ ông, vì ông ở một mình và cần sự giúp đỡ.

Vì thế, vì người nữ có giá trị như vậy và là một phước hạnh lớn như vậy cho người nam, nên bà hãy tự mình quyết định và định đoạt về đầu mình, có trùm đầu hay không. Không ai được áp đặt điều đó cho bà. Cả chồng bà lẫn những người lãnh đạo Hội Thánh đều không được bắt bà không được trùm đầu (hay phải trùm đầu). Một ngày kia bà còn sẽ xét đoán thiên sứ – vậy thì chắc chắn bà có thể và được phép quyết định trong việc này.

Nhưng trong sự tự chủ và quyền tự quyết của mình, người nữ cần lưu ý rằng bà không độc lập khỏi chồng mình. Người nữ không hiện hữu mà không có người nam, và người nam cũng không hiện hữu mà không có người nữ. Ý tưởng của Đức Chúa Trời luôn là sự cùng nhau và chung sống của người nam và người nữ. Trong sự hiệp một của đầu và thân, họ cùng nhau hành động, đồng lòng, thuận phục lẫn nhau, bổ sung cho nhau.

Điều đó có nghĩa gì, khi nói người này không hiện hữu mà không có người kia? Hãy nhớ lại một lần nữa sự dựng nên đôi vợ chồng đầu tiên. Ban đầu, người nữ ra từ người nam. Từ cạnh sườn của ông. Bà được đưa đến cùng ông, để rồi lại nên một thịt với ông. Nhưng hãy nghĩ xa hơn: từ đó về sau, mọi người nam đều ra từ một người nữ. Không có người nam thì không có người nữ, và không có người nữ thì không có người nam. Cả hai có phẩm giá như nhau, có giá trị như nhau và bình đẳng, là sự bổ sung trọn vẹn trong sự khác biệt của họ. Tất cả điều đó là ý tưởng của Đức Chúa Trời. Ngài là đầu, là nơi mọi sự ấy phát xuất.

Trước điều đó, tôi hỏi anh em: một phụ nữ cầu nguyện với Đức Chúa Trời nơi công cộng mà không che, không trùm đầu thì có đứng đắn không? Không, anh em sẽ đồng ý rằng điều đó không đứng đắn, xét theo các phong tục ở Cô-rinh-tô và trong Đế quốc La Mã. Có những phong tục và tập quán mà đối với con người giống như quy luật tự nhiên. Nếu một người nam để tóc dài, trái với phong tục thông thường, thì điều đó bị xem là điều hổ thẹn. Ở đây, đối với phụ nữ cũng hoàn toàn ngược lại. Mái tóc dài của phụ nữ là vinh hiển của họ, là đồ trang sức tự nhiên, được người ta nhìn nhận như vậy. Mái tóc dài được ban cho bà như một tấm khăn choàng hay áo choàng làm đẹp, để là vinh hiển của người nam.

Đồ trang sức này, vốn có vẻ rất đáng ham muốn đối với người nam, thì trong buổi nhóm bà hãy che lại. Đây không phải là nơi để nổi bật nhờ vinh hiển ấy, cũng như người nam phải bày tỏ sự khiêm nhường của mình bằng cách để đầu trần. Vì vấn đề là danh dự và vinh hiển của Đức Chúa Trời và của Đấng Christ.

Nếu có ai ở Cô-rinh-tô muốn tranh luận về điều này và đặt nghi vấn về phong tục trùm đầu, thì người ấy nên tự ý thức rằng điều đó không có ở đâu cả. Như việc anh em muốn bắt phụ nữ không được trùm đầu. Không Hội Thánh nào thực hành điều như thế; vì vậy, hãy giữ theo điều thông thường áp dụng cho việc trùm đầu, là điều đứng đắn và không gây vấp phạm cho ai.

13 NGƯỜI CHỒNG LÀ ĐẦU – SỰ THUẬN PHỤC MỘT CHIỀU?

Không dưới bảy lần, Phao-lô và Phi-e-rơ nói với những người vợ rằng họ phải thuận phục chồng mình, ngay cả khi chồng không tin Chúa và không cư xử yêu thương. Thời ấy, việc phụ nữ phải cư xử như vậy là hoàn toàn bình thường và chẳng có gì mới. Người chồng là chủ gia đình. Ông cai trị, và mọi người đều phục tùng ông: (các) người vợ, con cái, nô lệ và những người khác sống trong nhà. Triết gia lớn Aristotle đã sắp đặt gia đình thời cổ như vậy, từ trên xuống dưới, với một thứ bậc rõ ràng. Người ta đã sống như thế, và nhờ thế đế quốc và xã hội cổ đại có được sự ổn định và trật tự. Những sự đi chệch khỏi khuôn khổ này không được dung thứ. *Đó không phải là lý tưởng của Kinh Thánh, vì lý tưởng ấy mô tả người nam và người nữ là những người bạn đời ngang hàng, không có thứ bậc. Nhưng sự việc đã trở nên như thế, như đã được báo trước sau sự sa ngã (Sáng Thế Ký 3:16).* Chính cơ cấu xã hội này là điều mà Tin Lành gặp phải trong khắp Đế quốc La Mã.

Tại sao sự thuận phục được nhấn mạnh như vậy, và ngày nay nó có còn hiệu lực y như thế không? Nhiều phụ nữ cảm thấy vai trò của mình khó chịu đựng nổi và không lối thoát. Họ xoay xở hết sức có thể. Họ thường trẻ hơn chồng rất nhiều, họ là tài sản của chồng, không có tiếng nói, hầu như không có tự do và không có quyền lợi gì. Không hề có hôn nhân vì tình yêu! Sự thuận phục là gánh nặng và sự ép buộc nhiều hơn là niềm vui. *Giờ đây, là những người xưng nhận Chúa Giê-xu, họ đã bước vào một mối quan hệ sống động với Chúa Giê-xu Christ. Giờ đây họ sống với Ngài và có thể học cách thuận phục chồng mình từ tấm lòng, như thuận phục Chúa.* Sự tự do mà Tin Lành đem lại cho họ, và phẩm giá mà Tin Lành đã trả lại cho họ với tư cách người phụ nữ, không nhất thiết phải trở thành có để họ nổi lên chống lại chồng mình. Các sứ đồ rất quan tâm để qua cách cư xử ấy, Tin Lành không bị mang tiếng xấu trong xã hội thời ấy.

Trong thế giới cổ đại này, những người chồng, với tư cách là chủ gia đình, hiện ra như là đầu của người vợ. Như đã nói, đó không phải là lý tưởng của Kinh Thánh, mà là thực tế cuộc sống, không được đánh giá thêm. Nhưng nó được định nghĩa lại. *Vì trong Tân Ước, không ở đâu người nam được truyền phải cai trị cho tốt hay cầm quyền cách khôn ngoan. Theo gương mẫu của Chúa Giê-xu*

Christ, vai trò làm đầu nhận được một định nghĩa mới (Ê-phê-sô 5:21-33): Đầu, tức là người chồng, phải yêu vợ mình như chính mình, yêu đến mức hy sinh bản thân. Ông phải chu cấp và chăm sóc cho vợ.

Khi những lời này được đọc lên cho Hội Thánh tại gia đang nhóm lại, thì mỗi người sống trong gia đình thời cổ ấy đều được nói đến trực tiếp. Điều đó vốn đã khác thường. Nhưng không chỉ vậy, vì điều Phao-lô đòi hỏi nơi người nam là điều mang tính cách mạng. Cách cư xử như thế của vợ chồng với nhau, với con cái và nô lệ đã biến cơ cấu phụ quyền của gia đình thành một kiểu "chế độ phụ quyền của tình yêu". Và như vậy cơ cấu của người nam và người nữ bắt đầu tiến gần đến điều Đức Chúa Trời muốn lúc ban đầu. Mà không tấn công các cơ cấu xã hội thời ấy. Điều đó hẳn đã gây hại tối đa cho Tin Lành. Những cơ cấu vững chắc này của thế giới sa ngã bị tình yêu của Đấng Christ thấm dần từ bên trong, làm cho mềm đi và thay đổi.

Điều tương tự cũng áp dụng cho những nô lệ đã tin Chúa. Họ phải thuận phục chủ mình. Ngày nay không ai nghĩ đến việc dùng những lời này của các sứ đồ để biện minh cho chế độ nô lệ. Thế mà các Cơ Đốc nhân đã làm điều đó cho đến thế kỷ 19. Trong thời cổ đại, chế độ nô lệ là một phần vững chắc và thiết yếu của xã hội. Đối với chúng ta ngày nay, điều đó không còn có thể hình dung được. Chế độ nô lệ không bao giờ là ý muốn của Đức Chúa Trời – nó chà đạp phẩm giá con người. Tuy vậy, người nô lệ đã tin Chúa giờ đây được kêu gọi phục vụ từ tấm lòng, như thể phục vụ Chúa. Cũng vậy, những người chủ được kêu gọi đối xử nhân từ với nô lệ của mình, nhất là vì giờ đây nhiều người trong số họ là anh em của mình. Trong Đấng Christ, giờ đây không còn người tự do và nô lệ nữa.

Việc các sứ đồ đề cập đến trật tự của gia đình thời cổ trong cấu trúc này (chồng, vợ, con cái, nô lệ) cho thấy rõ rằng những chỉ dẫn này không được viết gửi cho chúng ta, mà cho lợi ích của chúng ta. Điều khác biệt là cơ cấu xã hội của chúng ta ngày nay không còn chế độ nô lệ, cũng không còn gia đình thời cổ với *pater familias* của nó, tức là người cha cai trị cả nhà. Người nam và người nữ bình quyền trước pháp luật. Và về điều đó chúng ta chỉ có thể biết ơn. Ngày nay có nhiều nhà ở chung, nhiều hộ độc thân và nhà dưỡng lão, là những điều thời ấy không có, và vì vậy cũng không có những chỉ dẫn tương ứng của các sứ đồ.

Phao-lô cho thấy rõ rằng không phải *pater familias* là người cai trị gia đình, mà Đấng Christ là Chúa trên mọi người. Mọi người trước hết đều chịu trách nhiệm trước Chúa trên trời này.

Vậy chúng ta làm gì với những chỉ dẫn này?

Một quan điểm rất phổ biến cho rằng sự thuận phục của người nữ được neo chặt trong trật tự sáng tạo. Nhưng trật tự tốt đẹp duy nhất là trật tự trước sự sa ngã. Không có thứ bậc, không có vai trò làm đầu của người nam và không có sự thuận phục một chiều của người nữ. Chỉ sau sự sa ngã mới phát sinh sự vô trật tự, trong đó người nam cai trị người nữ cách bất chính và không có sự ủy nhiệm. Tôi không nói rằng điều đó luôn luôn và về căn bản là xấu, nhưng không ai muốn quay trở lại điều đó, cũng như không ai muốn quay lại chế độ nô lệ. Vì vậy chúng ta thật sự phải hiểu những lời Kinh Thánh này trong bối cảnh lịch sử của chúng.

Điều đó không có nghĩa là, như người ta có thể vội kết luận, chúng ta không còn nghiêm túc với Lời Đức Chúa Trời. Trái lại, nếu những chỉ dẫn về sự thuận phục và tình yêu thương này được sống như vậy, thì điều đó phù hợp với lý tưởng của Đức Chúa Trời. Nhưng có một con đường tốt hơn mà chính Phao-lô và Phi-e-rơ đề nghị. Phao-lô nói về *sự thuận phục lẫn nhau* (Ê-phê-sô 5:21) rồi nêu mối quan hệ hôn nhân như một ví dụ về nơi điều đó được thực hiện. **Thật vậy, người vợ cũng phải yêu chồng mình, dù điều đó chỉ được đòi hỏi một lần duy nhất trong Tân Ước. Và cũng vậy, người chồng phải thuận phục vợ mình. Phi-e-rơ nói như thế qua câu "Hỡi người làm chồng, cũng vậy", khi trong 3:7 ông liên hệ đến 3:1, nơi ông khuyên người vợ thuận phục. Hơn nữa, ông nói rằng tất cả chúng ta đều phải mặc lấy sự khiêm nhường thật chặt mà đối đãi với nhau (1 Phi-e-rơ 5:5).**

Ngày nay người ta không thể sống hôn nhân như thời cổ đại. Có người cố gắng sống theo một hình thức nhẹ hơn. **Nhưng nếu sự thuận phục được lập luận dựa trên một trật tự sáng tạo bị hiểu sai, thì điều đó không theo Kinh Thánh, ngay cả khi nó vận hành tốt.** Sự thuận phục Cơ Đốc (tức là sự thuận phục giữa các tín hữu với nhau, kể cả giữa vợ chồng tín hữu) không mang tính nô lệ và không hạ nhục. Đó là sự kính trọng, hợp tác và nâng đỡ với lòng khiêm nhường, trung thành và yêu thương. Như sự khiêm nhường và

hiền lành, sự thuận phục phải là một nét tính cách bình thường của Cơ Đốc nhân. Và lý tưởng nhất là nó phải có tính hỗ tương.

Về chính mình, tôi đã có cảm nhận – và cũng nhận thấy nơi những người nam khác – rằng đàn ông chúng tôi đón nhận những lời khuyên như thế, như một sự thuận phục một chiều, mà không chút cảm xúc. Vì người bị ảnh hưởng là phụ nữ, chứ đâu phải người nam. Chúng tôi hiểu chúng theo cách mình đã được dạy, và theo cách chính chúng tôi đã được hình thành trong các Hội Thánh của mình và phần nào cả trong xã hội. Đáng tiếc, điều đó cho thấy khuynh hướng của lòng chúng tôi.

Tại sao đàn ông chúng ta không giật mình chú ý khi thoạt nhìn thấy phụ nữ bị hạn chế, để hỏi xem phải hiểu những câu Kinh Thánh liên quan như thế nào? Chúng ta dễ chấp nhận một điều mà nếu nó áp dụng cho chính mình, chúng ta sẽ đặt nghi vấn. Hãy để lòng chúng ta được thay đổi, và hãy vào trường học của Chúa Giê-xu và của Phao-lô.

14 KHÔNG CÒN NAM HAY NỮ

Ga-la-ti 3:28 thường được trích dẫn khi nói đến vai trò giới tính:

> [Ga-la-ti 3:26-28, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder] *vì hết thảy anh em đều là con trai của Đức Chúa Trời bởi đức tin nơi Đấng Christ Giê-xu. Vì hết thảy anh em là người đã chịu báp-têm vào Đấng Christ thì đã mặc lấy Đấng Christ.*
>
> *Không còn người Do Thái hay người Hy Lạp, không còn nô lệ hay người tự do, không còn nam và nữ (không còn phái nam hay phái nữ); vì hết thảy anh em đều là một trong Đấng Christ Giê-xu.*

Tôi thường nghe rằng ở đây Phao-lô nói về sự cứu rỗi, vốn mở ra cho mọi nhóm dân tộc và tôn giáo được kể ra ở đây, và sau cùng cho cả hai giới, không phân biệt. Theo họ, vấn đề là địa vị trong Đấng Christ, chứ không phải đời sống thực tế của chúng ta trong cõi sáng tạo sa ngã. Ở đó, những khác biệt này vẫn còn.

Nhưng ngay đầu thư, Phao-lô đề cập đến điều gì? Phi-e-rơ và những người Do Thái tách mình khỏi những người từ các dân ngoại, để ngồi ăn ở những bàn riêng. Đó là vấn đề mà Ga-la-ti 3:28 giải quyết. Tức là một vấn đề rất thực tế của Hội Thánh mà câu này muốn tháo gỡ.

Đúng vậy, chúng ta vẫn là chính mình, nhưng có một điều được thêm vào cho mọi người, lớn hơn những gì chúng ta là theo chủng tộc, giai cấp hay giới tính: địa vị làm con trai. Phao-lô nói về địa vị làm con trai theo nghĩa thời cổ. Địa vị này bao gồm đặc quyền và phẩm giá, quyền lợi và quyền thừa kế. Điều đó không áp dụng cho con gái. *Ông công bố địa vị làm con trai của Đức Chúa Trời cho các tín hữu, cả nam lẫn nữ!*

Trong Do Thái giáo, sự cứu rỗi, và điều mà người ta hiểu về sự cứu rỗi trong Giao Ước Cũ, đã mở ra cho các nhóm được nêu ở đây. Người Hy Lạp được tiếp nhận làm người nhập đạo, với điều kiện chịu cắt bì. Người tự do và nô lệ, cũng như người nam và người nữ, đều có trong dân Y-sơ-ra-ên. *Như vậy*

Phao-lô sẽ chẳng nói được gì mới mẻ mấy. Cách giải thích này dưới khía cạnh sự cứu rỗi tuy không sai, nhưng đó không phải là tất cả.

Vấn đề lớn hơn thế, đó là một quan niệm về con người. Về cốt lõi, câu 28 này nói rằng mọi người đều mang hình ảnh của Đức Chúa Trời, mọi người đều có cùng phẩm giá, và là tội nhân, đều có cùng một vấn đề: họ cần Đấng Christ và họ nhận được Đấng Christ. Ba cặp này có thể được kể tiếp: già và trẻ, nghèo và giàu, mạnh và yếu, con cái và cha mẹ, người khuyết tật và người không khuyết tật, người tinh sạch và người ô uế theo nghi lễ. Đối với người Ga-la-ti, điều đứng hàng đầu – một cách dễ hiểu – là giờ đây người Do Thái và các dân ngoại trong gia đình của Đấng Mê-si-a đều như nhau và đều là một. Tất cả đều là con trai của Đức Chúa Trời. Trong Hội Thánh, chúng ta gặp mỗi người như một con trai của Đức Chúa Trời. Mọi khác biệt khác vẫn còn đó đều lùi về phía sau và không còn chi phối cách chúng ta hành động và nói năng với nhau.

Phao-lô nêu ra ba nhóm này vì trong thế giới chưa được cứu chuộc, họ ở trong sự căng thẳng với nhau. *Trong Hội Thánh, những khác biệt này không được là có cho xung đột.* Người Do Thái xem mình là dân được Đức Chúa Trời chọn, và nhìn xuống các dân ngoại. Không chịu cắt bì thì các dân ngoại không thể thuộc về dân Đức Chúa Trời. Nô lệ là một món tài sản bị bóc lột. Họ không có giá trị gì, không có tiếng nói và không có quyền lợi. Phụ nữ thời ấy cũng là tài sản và thấp kém hơn người nam. Họ cũng không có tiếng nói và ít quyền lợi. *Trong Đấng Christ, giờ đây chúng ta gặp nhau theo cách mà Đức Chúa Trời luôn muốn. Qua phép báp-têm và đức tin, mọi người đều trở thành người xưng nhận Đấng Christ. Trong Đấng Christ, mọi sự khác biệt về xã hội, sắc tộc và thứ bậc đều chấm dứt.* Trong Hội Thánh chỉ còn anh em và chị em. Ở đó, dưới mắt Đức Chúa Trời, những khác biệt này không còn được đóng vai trò gì nữa. *Nếu phụ nữ và nam giới có cùng phẩm giá, thì cả hai đều có thể thi hành mọi chức vụ có trong Hội Thánh. Đó là một kết luận hợp lý, dù câu này không nói về các chức vụ.*

Ở đây Phao-lô dùng lại cách diễn đạt "nam và nữ" từ Sáng Thế Ký 1:27. Ông không cổ vũ cho một kiểu hiện hữu trung tính về giới tính. Trong 1 Cô-rinh-tô 11, ông khăng khăng rằng phụ nữ, khi cầu nguyện hay nói tiên tri trong buổi thờ phượng, phải xuất hiện rõ ràng là phụ nữ, và người nam phải được

nhìn thấy là người nam; Phao-lô có thể đã biết về nhiều khía cạnh của các nền văn hóa và cách thờ phượng ngoại giáo, trong đó giới tính bị cố ý che giấu hay thậm chí bị xóa bỏ, nhưng ở đây vấn đề không phải là điều đó.

Trật tự sáng tạo và trật tự cứu rỗi không thể mâu thuẫn với nhau. Trật tự cứu rỗi khôi phục trật tự sáng tạo ban đầu theo ý muốn của Đức Chúa Trời. Trong trật tự ấy, người nam và người nữ ngang hàng. Tin Lành có những tác động chữa lành. Trước hết là trong Hội Thánh, tức là giữa những người tin. Đó là những thay đổi tích cực và mang tính đảo lộn. Đó là quyền năng để cứu rỗi, có thể tháo gỡ những cơ cấu tội lỗi hàng ngàn năm tuổi, thay đổi và cứu rỗi cả những nền văn hóa và dân tộc. Rốt cuộc, việc bãi bỏ chế độ nô lệ, nền dân chủ của chúng ta, các quyền tự do của chúng ta và quyền bình đẳng giữa hai giới cũng một phần bắt nguồn từ lời này của Phao-lô. Trong một thời gian dài, chúng đã phát huy tác động trên xã hội. *Trong Hội Thánh, về vai trò của người nam và người nữ, người ta không nên tụt lại phía sau điều đó.*

Dù câu này không nói về các vai trò ấy, người ta cũng không thể nói rằng hoàn toàn không có mối liên hệ nào. *Câu này là một nền tảng mà trên đó các chị em được tự do thi hành, không phân biệt và không có sự thuận phục một chiều, mọi chức vụ mà họ có ân tứ hay có năng lực.* Để làm điều đó, không cần một quy định về tỷ lệ, mà cần một cách đối xử với nhau khiêm nhường và khôn ngoan.

Ga-la-ti 3:28 phải được khắc vào lòng. Đức Chúa Trời không nhìn con người với thành kiến, vậy thì chúng ta cũng không nên như thế (Rô-ma 2:11; Gia-cơ 2:1).

15 Lời xưng tội của chúng tôi

"Anh em nam tử" – đó là gì? Trong 1 Cô-rinh-tô 16:13, Phao-lô khuyên các chị em và anh em hãy là người nam tử, có khí phách nam nhi, và mạnh mẽ. Điều đó không đối lập với nữ tính, mà đối lập với thái độ sợ hãi. Ở đây tôi muốn hiểu "khí phách nam nhi" như thế này: đàn ông chúng tôi phải có khí phách nam nhi bằng cách dám nói ra một lời xưng tội đã quá muộn màng với các chị em của chúng tôi trong Đấng Christ, và để những việc làm tương xứng theo sau. *Đàn ông chúng tôi đã giành cho mình quyền giải thích tối cao, và cùng với nó là quyền hành động tối cao, mà qua đó chúng tôi đã loại phụ nữ ra khỏi các chức vụ trong Hội Thánh.*

Chúng tôi tưởng mình đang phục vụ Đức Chúa Trời, nhưng thật ra lại gây ra điều ngược lại!

Lạy Đức Chúa Trời, Yahweh Elohim, Đấng Tạo Hóa của người nam và người nữ, xin tha thứ cho chúng con vì chúng con đã nghĩ, đã đòi hỏi và đã hành động như thể các chị em không ngang hàng, mà thấp kém hơn. Không phải là người đối diện tương xứng, mà là người ở dưới chúng con một bậc.

Lạy Chúa Giê-xu, xin tha thứ cho chúng con vì chúng con đã nghĩ rằng phụ nữ phải im lặng và phải lui về phía sau nơi công cộng.

Xin tha thứ cho chúng con vì chúng con đã nghĩ rằng Ngài không muốn họ công khai rao giảng về Ngài và lẽ thật của Ngài.

Thưa các chị em thân mến, xin chị em tha thứ cho chúng tôi về thái độ sai lầm này, mà chúng tôi đã tưởng là theo ý Đức Chúa Trời và theo Kinh Thánh! Xin tha thứ cho chúng tôi vì trong nhiều tình huống chúng tôi đã khiến chị em mang một lương tâm cắn rứt cách không chính đáng.

Xin tha thứ cho chúng tôi vì chúng tôi đã bàn bạc và quyết định những việc và những vấn đề quan trọng mà không có chị em. Chúng tôi đã không hỏi ý kiến chị em!

Đàn ông chúng tôi đã thất bại. Chúng tôi thường là những kẻ ích kỷ, độc đoán, tự cho mình hiểu biết hơn, mà không hề nhận ra. Mù lòa về chính

mình. Mù lòa về chị em phụ nữ, về sự kêu gọi và ân tứ của chị em.

Xin tha thứ cho chúng tôi ở những chỗ chúng tôi đã hèn nhát, đã đẩy chị em ra phía trước và dựa vào chị em, trong khi lẽ ra chúng tôi phải đứng vững như người nam và đi trước, và chị em đã có lý khi mong đợi điều đó.

Xin tha thứ cho sự thờ ơ của chúng tôi đối với những điều chị em thấy nặng nề và những điều chị em chưa bao giờ hiểu được. Chúng tôi chưa bao giờ hỏi chị em cảm thấy thế nào về điều đó. Xin tha thứ cho chúng tôi vì chúng tôi đã không hỏi chị em cảm nhận thế nào về những thái độ và những giáo lý phân biệt đối xử này.

Chúng tôi rất tiếc. Chúng tôi đã sai lầm.

Xin chị em hãy tự do! Hãy vui mừng phục vụ Chúa!

Chúng tôi sẽ nâng đỡ chị em – như chị em vẫn luôn nâng đỡ chúng tôi, bất chấp mọi điều chúng tôi đã làm.

16 LỜI KẾT

Nhiều Cơ Đốc nhân, những người xem Kinh Thánh là chuẩn mực duy nhất, đã giải quyết "vấn đề phụ nữ" từ lâu và mở đường cho các chị em. Đáng tiếc là trong đời tôi, nhận thức này đến rất muộn. Vì vậy cuốn sách này thật ra cũng đã lỗi thời, vì lẽ ra từ lâu người ta phải nhận ra rõ ràng rằng chúng ta không thể thiếu sự phục vụ của các chị em trong *mọi* lĩnh vực của đời sống Hội Thánh. Đàn ông chúng tôi chỉ tự làm hại mình khi bám giữ một quan điểm thứ bậc về nam và nữ. Nhưng thay đổi niềm tin thì không bao giờ là quá muộn.

Những câu hỏi được bàn đến trong cuốn sách này từ lâu đã được giải quyết ở nhiều nơi, và tôi đến như một người tụt lại phía sau. Trận chiến đã kết thúc từ lâu. Những người khác đã chiến đấu trên mặt trận này trong 30 năm qua. Tôi đã được hưởng lợi rất nhiều từ các công trình thần học của họ.

Những đề tài sâu sắc hơn nhiều đang đến với Hội Thánh. Những đề tài làm đảo lộn nghiêm trọng vấn đề giới tính đang có mặt trong chương trình nghị sự ngày nay và được đưa mạnh mẽ vào nhận thức của xã hội, chẳng hạn như vấn đề chuyển giới. Là Cơ Đốc nhân trong xã hội của mình, chúng ta phải có câu trả lời cho điều đó. Cơ Đốc nhân chúng ta phải đề cao rằng ý tưởng của Đức Chúa Trời về hai giới tính là tuyệt vời và phải được bảo vệ. Nhưng nếu chúng ta vẫn còn bàn cãi xem phụ nữ có được nói và dạy dỗ trong Hội Thánh hay không, thì chúng ta sẽ mất hẳn mọi ý nghĩa, và khi bàn đến những đề tài thật sự cấp thiết, người ta cũng sẽ không còn xem trọng và lắng nghe chúng ta nữa.

Một trong những đề tài cấp thiết ấy là chủ nghĩa siêu nhân học (transhumanism), vốn định nghĩa con người hoàn toàn khác với Kinh Thánh – ở đây vấn đề lớn hơn nhiều so với vấn đề giới tính. Ngay trước mắt chúng ta đang hình thành một tháp Ba-bên khác, phù hợp với bức tranh về thời kỳ cuối cùng như Kinh Thánh mô tả cho chúng ta.

"Chúng ta hãy là những Cơ Đốc nhân sống làm gương cho thế gian này về sự chung sống yêu thương giữa người nam và người nữ trong hôn nhân, gia

đình và Hội Thánh. Chúng ta hãy là những người mang hy vọng trong một xã hội rối ren và mất phương hướng, đang tìm kiếm những tấm gương chân thật, đích thực về vai trò. Chúng ta hãy là những tấm gương nổi bật bởi sự tôn trọng và quý trọng đối với giới kia. Khi ấy, và chỉ khi ấy, con người ngày nay mới còn nhìn thấy và xem trọng chúng ta."

Gabriele Singer

Là người nam và người nữ

Yêu thương, lãnh đạo, dạy dỗ

Tốt hơn khi ở bên nhau!

Tốt hơn khi đồng lòng!

Tốt hơn khi cùng nhau!



"Tôi thấy trong Lời Đức Chúa Trời rằng Chúa Giê-xu, Đấng được một người nữ thụ thai mà không có sự can dự của người nam, đã không bắt phụ nữ im lặng, mà trái lại, khích lệ họ lên tiếng. Rằng Ngài tán thành việc một người nữ ngồi dưới chân vị ra-bi mà học, như Phao-lô đã ngồi dưới chân Ga-ma-li-ên. Và rằng Ngài để một người nữ thực hiện trên Ngài một sự phục vụ quan trọng của thầy tế lễ, và nhận từ bà sự xức dầu cho việc chôn cất Ngài. Phụ nữ là những người cuối cùng ở bên thập tự giá và những người đầu tiên ở ngôi mộ. 5 trong 7 'lời trên thập tự giá' chỉ được phụ nữ làm chứng và truyền lại

(ngoại trừ những người lính La Mã), và những mốc quan trọng nhất của lịch sử cứu rỗi chỉ được phụ nữ làm chứng. Sau khi sống lại, Chúa Giê-xu đã cố ý gặp các phụ nữ và giao cho họ nhiệm vụ nói với anh em Ngài rằng Ngài đã sống lại. Ngài còn có thể làm gì hơn nữa để làm sáng tỏ một lần đủ cả rằng sự bình đẳng trọn vẹn của người nữ trong Hội Thánh được cứu chuộc là ý định nguyên thủy và không thay đổi của Đức Chúa Trời?" Christian Beese

Như một căn bệnh nan y, như cỏ dại cổ xưa, bám rễ chắc và sâu, lan tràn khắp nơi, quan niệm về phụ nữ của những người nam Cơ Đốc ngay từ đầu đã là tiếng vọng của môi trường chung quanh họ, và đáng tiếc cũng là tiếng vọng của lòng họ. Dù được sống cách có ý thức hay vô thức, cách thô bạo, cách ôn hòa, thậm chí cách yêu thương, thì vẫn không có lựa chọn nào khác ngoài việc quay trở lại với lẽ thật của Kinh Thánh, và như thế là lẽ thật của Đức Chúa Trời, là lẽ thật duy nhất giải phóng con người.

Hans-Jörg Ronsdorf

"Đi từ một lối suy nghĩ phụ quyền đến một lối suy nghĩ thân thiện với phụ nữ không phải là con đường dễ dàng. Điều đó đòi hỏi chúng ta phải hình dung lại mọi điều mà chúng ta tưởng là mình hiểu về thế giới của chúng ta và cách nó vận hành, về đức tin của chúng ta và mối quan hệ của chúng ta với Đức Chúa Trời, với nhau và với vũ trụ của chúng ta. Đó là một sự chuyển đổi khó khăn chẳng kém gì đối với tổ tiên chúng ta khi chuyển từ quan niệm lấy trái đất làm trung tâm sang quan niệm lấy mặt trời làm trung tâm vũ trụ. Những nhà khoa học đầu tiên đề xuất rằng trái đất quay quanh mặt trời chứ không phải ngược lại đã bị dứt phép thông công, vì người ta tin rằng điều đó đe dọa quyền năng của Đức Chúa Trời. Tương tự như vậy, rất khó để thoát khỏi một thế giới quan phụ quyền, trong đó việc phụ nữ được người nam dẫn dắt và chi phối, và các hệ thống cùng thể chế được người nam tổ chức và điều hành, được chấp nhận như điều bình thường. Một thế giới quan bình quyền – bình đẳng là một thế giới quan nhìn phụ nữ và nam giới trong mối quan hệ hỗ tương, cùng chia sẻ quyền lực, nhận ra, nâng đỡ và giải phóng ân tứ của nhau. Và đối xử với nhau bằng sự tôn trọng như nhau và phẩm giá như nhau." Barbara Reid

"Ai đã được tinh thần của Tin Lành nắm lấy thì sẽ đồng ý rằng một quan niệm phụ quyền về vai trò, vốn áp đặt lên phụ nữ và làm tê liệt họ đối với Nước Đức Chúa Trời, không chỉ là bất công, mà còn đã gây thiệt hại không kể xiết cho Hội Thánh của Đức Chúa Trời. Dù điều đó chưa bao giờ xảy ra vì những động cơ thấp hèn, trong tinh thần tranh giành quyền lực hay thậm chí cố ý hạ thấp, mà thường là do một sự hiểu lầm bi thảm về Kinh Thánh, thì nay cũng đã đến lúc can đảm đặt nghi vấn về những truyền thống hạ thấp phẩm giá và từ bỏ chúng, để phụ nữ cũng có thể đặt chân mình 'nơi rộng rãi' và cuối cùng được biết ơn trải nghiệm sự cứu chuộc trọn vẹn mà Chúa Giê-xu Christ đã mua lấy." Hartmut Krüger

Việc bỏ qua bối cảnh văn hóa của các bản văn Kinh Thánh không dẫn đến chỗ người ta bám sát câu chữ của bản văn; mà dẫn đến chỗ câu chữ Kinh Thánh thường, nếu không nói là phần lớn, trở thành mặt phẳng để phóng chiếu những niềm tin văn hóa của chính thời đại mình. Điều mà nhiều tín hữu Tin Lành Phúc Âm đã được rao giảng như một chân lý đời đời của Kinh Thánh, thật ra là một sản phẩm của thế kỷ 19 và 20. Vì vậy, việc đấu tranh cho quyền bình đẳng của phụ nữ trong sự phục vụ của Hội Thánh không phải là chạy theo trào lưu thời đại hiện nay của chủ nghĩa nữ quyền, vì ở đó từ lâu người ta đã đòi hỏi những điều sâu rộng hơn nhiều. Ở đó, vấn đề là đảo ngược các vai trò như chúng đã tồn tại cho đến thế kỷ 20, hay là xóa bỏ hoàn toàn giới tính. Làm sao người ta có thể học cách, trong những vấn đề gây tranh cãi, dù chỉ là thảo luận nghiêm túc về những lập trường khác nhau, khi suốt hàng chục năm người ta đã tập luyện và đấu tranh để áp đặt những lời tuyên xưng hay niềm tin giáo điều?

Thorsten Dietz

17 Những sách khác của tác giả

Und die Toten leben doch (Vậy mà người chết vẫn sống), Bielefeld, 1992

Seitenwechsel – Von Adam zu Christus (Đổi phe – Từ A-đam đến Đấng Christ), Bielefeld, 2011

Entrückung, Himmel, Ewigkeit – Ein neuer Blick auf alte Themen (Sự cất lên, thiên đàng, cõi đời đời – Cái nhìn mới về những đề tài cũ), Nürnberg, 2015

Gottes Lamm, Golgota und die Ewigkeit (Chiên Con của Đức Chúa Trời, Gô-gô-tha và cõi đời đời), Wuppertal, 2015

Fantastische Himmelwelt, Lehre und Leben der Himmelwelt im Epheserbrief (Thế giới thiên thượng kỳ diệu – Giáo lý và đời sống của thế giới thiên thượng trong thư Ê-phê-sô), Nürnberg, 2016

Gott spricht, Eine erklärende Übertragung der allgemeinen Briefe und der Offenbarung (Đức Chúa Trời phán – Bản diễn ý có giải thích các thư tín chung và sách Khải Huyền), Sulzberg, 2017

Epheser, nacherzählt, erklärt für heute (Ê-phê-sô – kể lại, giải thích, cho hôm nay), Sulzberg, 2018

Gods good Gospel, Gottes gutes Evangelium (Tin Lành tốt lành của Đức Chúa Trời), Sulzberg, 2019

Markus, nacherzählt, erklärt für heute (Mác – kể lại, giải thích, cho hôm nay), Sulzberg, 2019

Galater, nacherzählt, erklärt für heute (Ga-la-ti – kể lại, giải thích, cho hôm nay), Sulzberg, 2020

Die Briefe des Johannes, nacherzählt, erklärt für heute (Các thư của Giăng – kể lại, giải thích, cho hôm nay), Sulzberg, 2020

Frauen, vergebt uns! – Die Rolle von Frau und Mann (Xin chị em phụ nữ tha thứ cho chúng tôi! – Về vai trò của phụ nữ và nam giới), Sulzberg, 2020

Ein König voller Pracht – Die gute Botschaft von Jesus, dem Messias (Một vị Vua đầy vinh hiển – Tin Lành về Chúa Giê-xu, Đấng Mê-si-a), Augsburg, 2022